Signature Not Verified
Được ký bởi LÊ TRỌNG CƯỜNG
Ngày ký: 25.04.2018 11:00

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 27 /BB- ĐHĐCĐ | *Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2018* |

# BIÊN BẢN
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 VÀ LẦN THỨ III, NHIỆM KỲ 2018-2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin;

- Địa chỉ trụ sở: Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng ninh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008;

- Hôm nay, vào hồi 7h30' ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. Công ty đã tiến hành tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III, nhiệm kỳ 2018 - 2023.

- Thành phần tham dự Đại hội gồm:

+ Các thành viên Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty.

+ Đại diện Công ty Kiểm toán, Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

+ Tham dự đại hội có: 54 cổ đông là sở hữu và đại diện cho 16.075.066 cổ phần, chiếm 75 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

## ĐẠI HỘI ĐÃ DIỄN RA THEO TRÌNH TỰ VÀ BAO GỒM NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY

### I. Trình tự tiến hành họp Đại hội

**1. Chủ toạ Đại hội:** Ông Phạm Công Hương- Chủ tịch HĐQT Công ty.

**2. Đề cử Thư ký Đại hội:** Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề cử (1) ông Lê Thế Anh - Bí thư ĐTN Công ty; (2) bà Phùng Thị Dung – Cán bộ Văn phòng làm Thư ký ghi Biên bản, Nghị quyết Đại hội và đã được Đại hội nhất trí thông qua.

**3. Đề xuất tổ giúp việc và kiểm phiếu cho Đại hội:** Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề xuất ông Hoàng Kim Cương và nhóm giúp việc

Đại hội vào Ban kiểm phiếu. Ông Hoàng Kim Cương là trưởng ban kiểm phiếu và tổ giúp việc; đã được Đại hội nhất trí thông qua

**4. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:** Thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội ông Hoàng Kim Cương- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự:

(1) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin là: 21.418.346 cổ phần; do 2.074 cổ đông sở hữu và đại diện. Trong đó: 20 cổ đông là tổ chức (trong nước là: 18 cổ đông; tổ chức nước ngoài là: 02 cổ đông) và 2.054 cổ đông là cá nhân.

(2) Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu được mời tham dự Đại hội là 2.074/2.074 cổ đông. Đăng ký tham dự đại hội 57 người sở hữu và đại diện theo ủy quyền 16.914.057 cổ phần tương ứng 79 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.

(3) Số cổ đông sở hữu và Người được uỷ quyền có mặt tham dự Đại hội là 50 cổ đông, sở hữu, đại diện và ủy quyền 16.075.066 cổ phần chiếm 75 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

(4) Chủ toạ kết luận: Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 68/2014, Điều 13 Điều lệ Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III, nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội.

**II. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội:**

Ban tổ chức Đại hội trình bày Chương trình và dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội:

1. Đại hội đã nhất trí 100% thông qua Chương trình làm việc.

2. Đại Hội đã nhất trí 100% thông qua dự thảo quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014, và Giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các nội dung của quy chế, với một số nội dung cơ bản như sau:

+ Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

+ Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của Người dự họp có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội. Riêng quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của Người dự họp có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội.

**III. Thực hiện các nội dung chương trình nghị sự của Đại hội:**

1. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2023 do ông Nguyễn Quế Thanh, Uỷ viên Hội đồng quản trị- Giám đốc Công ty trình bày: (Theo nội dung báo cáo số 762/BC-TMD ngày 20/4/2018 đính kèm)

Trong đó có một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

| TT | Danh mục | ĐVT | Kế hoạch năm 2018 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **A** | **Sản xuất** | | | |
| **I** | ***Than sản xuất*** | Tấn | **1.450.000** | |
| 1 | Than hầm lò | Tấn | 1.300.000 | |
| 2 | Than Lộ thiên | Tấn | 150.000 | |
| | - Nội bộ làm | " | 50.000 | |
| | - Than giao thầu | " | 100.000 | |
| **II** | ***Bóc đất đá*** | $M^3$ | **2.011.000** | |
| 1 | Tự làm | $M^3$ | 664.000 | |
| 2 | Thuê thầu khai thác | $M^3$ | 1.347.000 | |
| **III** | ***Mét lò đào tổng số*** | *M* | **17.800** | |
| 1 | Đào lò CBSX | M | 17.800 | |
| | - Nội bộ làm | " | 15.800 | |
| | - Mét lò đào thuê ngoài | " | 2.000 | |
| **IV** | ***Lò xén*** | M | **500** | |
| **1** | Mét lò xén CBSX | M | 500 | |
| **B** | **Than tiêu thụ tổng số** | *Tấn* | **1.426.000** | |
| **C** | **Giá trị đầu tư** | Tr.đ | **202.701** | |
| | Xây lắp | Tr.đ | 50.704 | |
| | Thiết bị | Tr.đ | 136.979 | |
| | Khác | Tr.đ | 15.018 | |
| **D** | **Doanh thu tổng số** | Tr.đ | **1.673.131** | |
| **E** | **Lợi nhuận** | Tr.đ | 22.954 | |
| **F** | **Thu nhập bình quân** | Tr.đ/ng/th | **11.888** | |
| **G** | **Cổ tức (dự kiến tối đa)** | % | **8%** | |

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần than Mông Dương năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 - 2018, phương

hướng nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 - 2023 do ông Nguyễn Quế Thanh - Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty trình bày (theo nội dung Báo cáo số 763/BC-TMD, ngày 20/4/2018 đính kèm).

3. Quy chế bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 do ông Hoàng Kim Cương- Trưởng ban kiểm phiếu trình bày.

4. Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 do ông Phạm Công Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trình bày.

5. Đại hội bầu Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 05 người, bầu Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 03 người.

6. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam do bà Phạm Thị Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày (Theo nội dung Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2017 đính kèm).

7. Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ trức năm 2017 và Kế hoạch lợi tức năm 2018 do Bà Phạm Thị Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày, cụ thể:

7.1. Phân phối lợi nhuận năm 2017 và chi trả cổ tức năm 2017:

| | | |
|---|---|---|
| 1. Tổng lợi nhuận trước thuế: | 19.305.676.662 | đồng |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: | 7.998.240.335 | đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế: | 11.307.436.327 | đồng |
| a. Chia cổ tức năm 2017 (4% vốn điều lệ): | 8.567.338.400 | đồng |
| b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ: | 2.740.097.927 | đồng |
| Trong đó: | | |
| - Quỹ đầu tư phát triển: | 0 | đồng |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi: | 2.556.318.701 | đồng |
| - Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty: | 183.779.226 | đồng |
| *(1,0 tháng lương BQ thực hiện của VCQL)* | | |

7.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 là 4% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2018. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

7.3. Kế hoạch trả cổ tức năm 2018: Mức trả cổ tức dự kiến từ 4% -:- 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018.

8. Báo cáo kết quả chi trả tiền lương của người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2017 và Kế hoạch năm

2018 do bà Phạm Thị Hải - UV HĐQT Công ty trình bày (Theo nội dung báo cáo số 770/TTr-TMD ngày 23/4/2018 đính kèm), cụ thể:

8.1. Năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương đối với người quản lý (Bao gồm ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát) 2.244,9 triệu đồng; Thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 386,4 triệu đồng.

8.2. Đề xuất năm 2018, Tiền lương đối với người quản lý và mức Thù lao không chuyên trách hàng tháng được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Quyết định số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty.

9. Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2018 do ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày, (nội dung chi tiết theo Báo cáo số 771 ngày 23/4/2018 đính kèm).

10. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được Kiểm toán do ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo Báo cáo số 772/BC-BKS ngày 23/4/2018 đính kèm).

11. Báo cáo của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 do ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo Báo cáo số: 771/BC-KSV, ngày 23/4/2018 đính kèm).

12. Báo cáo về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty do ông Nguyễn Quế Thanh - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo tờ trình số:773/TTr-TMD ngày 20/4/2018 đính kèm).

13. Báo cáo về việc đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017 - 2020 do ông Nguyễn Quế Thanh - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo tờ trình số: 758/TTr-TMD ngày 20/4/2018 đính kèm).

**IV. Đại hội giải lao, thảo luận, phát biểu và trả lời ý kiến**

Sau phần trình bày các nội dung của Đại hội và ý kiến chỉ đạo của Chủ tọa các cổ đông tiến hành thảo luận, chất vấn các nội dung của Chương trình Đại hội:

Các ý kiến thảo luận đều nhất trí với các báo cáo đã được Giám đốc, Ban Kiểm soát và các ủy viên Hội đồng quản trị trình bày và có ý kiến nhận xét chung: Năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2017, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành đã năng động, quản lý Công ty đúng điều lệ, đúng pháp luật; Tài chính của Công ty lành mạnh; lợi ích của Người lao động, Cổ đông và lợi ích xã hội được đảm bảo. Công ty phát triển theo hướng bền vững.

**V. Kết quả bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023**

1. Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Số phiếu tín nhiệm | Tỷ lệ so với tổng số CP tham dự ĐH | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Công Hương | 19.591.407 | 18,3 | Trúng cử |
| 2 | Nguyễn Quế Thanh | 20.308.785 | 19,0 | Trúng cử |
| 3 | Hoàng Trọng Hiệp | 19.876.445 | 18,6 | Trúng cử |
| 4 | Vũ Tiến Quang | 2.316.387 | 2,2 | Trúng cử |
| 5 | Vadym D'omin | 18.635.641 | 17,4 | Trúng cử |

2. Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Số phiếu tín nhiệm | Tỷ lệ so với tổng số CP tham dự ĐH | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Tâm | 19.315.499 | 30,06 | Trúng cử |
| 2 | Nguyễn Thế Hanh | 19.282.983 | 30,01 | Trúng cử |
| 3 | Dương Hải Yến | 2.507.308 | 3,9 | Trúng cử |

3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023 họp phiên thứ nhất bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát. Kết quả:

Ông Phạm Công Hương trúng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Bà Nguyễn Thị Tâm trúng cử chức danh Trưởng ban kiểm soát Công ty.

**VI. Các Quyết nghị tại Đại hội:** Sau khi thảo luận, các Cổ đông tham dự họp đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

**1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2017; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2023, cụ thể:**

1.1) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu, Than sản xuất: 1.254.500/1.375.000 tấn, đạt 91% kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế 19.305 triệu đồng/kế hoạch 20.500 triệu đồng, đạt 94,2%; đảm bảo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có thu nhập ổn

định, bình quân đạt 10.000.000 đồng/người tháng; cổ tức cho các cổ đông là 4%; thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

1.2) Nhiệm vụ, giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chủ yếu sau: Than sản xuất: 1.450.000 tấn; Mét lò đào tổng số: 17.800 mét; Bốc xúc đất đá: 2.011.000 $m^3$; Doanh thu: 1.673 tỷ đồng; Lợi nhuận: 22,954 tỷ đồng; thu nhập bình quân của người lao động: 11,888 triệu đồng/ người/ tháng.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị trong quá trình triển khai có thể điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho phù hợp đảm bảo thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2018; Đảm bảo thu nhập của người lao động và quyền lợi của cổ đông.

**2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị** về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần than Mông Dương năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 - 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 - 2023:

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**3. Thông qua quy chế bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023**

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**4. Thông qua báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023**

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017** đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

- Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Giao Hội đồng quản trị triển khai thực hiện.

**6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, chi trả cổ tức năm 2017 của Công ty và Kế hoạch trả cổ tức năm 2018.**

Kế quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; cụ thể:

6.1. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 là 4% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2018. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

6.2. Kế hoạch trả cổ tức năm 2018: Mức trả cổ tức dự kiến từ 4% -:- 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018.

**7. Thông qua việc chi trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2017, kế hoạch năm 2018:**

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

- Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua, cụ thể:

7.1. Năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương đối với người quản lý (Bao gồm ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát) 2.244,9 triệu đồng; Thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 386,4 triệu đồng.

7.2. Kế hoạch năm 2018, Tiền lương đối với người quản lý và mức Thù lao không chuyên trách hàng tháng được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Quyết định số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty.

**8. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty** của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2017:

Kết quả biểu quyết : Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**9. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017** đã được Công ty TNHH PKF Vệt Nam thực hiện kiểm toán: Báo cáo tài năm 2017 của Công ty đã thể hiện đầy đủ tính minh bạch, rõ ràng và độ tin cậy cao.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**10. Thông qua việc lựa chọn** Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin với các nội dung như sau:

**Tên Công ty kiểm toán độc lập**: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**Trụ sở chính**: Số 1- Nguyễn Huy Tưởng- Phường Thanh Xuân Trung-Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội

ĐT: +84 24 664 4488 FAX: +84 24 664 2233

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**11. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

Kết quả biểu : Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**12. Thông qua tờ trình về đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017 - 2020**

Kết quả biểu : Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**14. Thông qua Biên Bản và các quyết nghị tại phiên họp**: Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản và các Quyết nghị của Đại hội:

Biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết với tỷ lệ:

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Đại hội giao cho Chủ tọa - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký, ban hành Biên bản và Nghị quyết của Đại hội để triển khai thực hiện.

**14. Chủ tọa bế mại Đại hội:**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin kết thúc vào hồi .....h.....' cùng ngày ./.

***Nơi nhận:***
- UBCK NN, Sở GDCK HN, TTLK Việt Nam, TKV (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các CĐ của Cty;
- Mạng Protal: Các đơnvị trong C.ty;
- Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

**THƯ KÝ**

**Lê Thế Anh**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỌA**

**Phạm Công Hương**
**CHỦ TỊCH HĐQT**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG – VINACOMIN**
Số: 756 /QC-MDC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

# QUY CHẾ LÀM VIỆC
# TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 VÀ NHIỆM KỲ III NĂM 2018-2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG – VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 27/4/2016; Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 11/04/2018, Hội đồng Quản trị Công ty Dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023 bao gồm các nội dung sau:

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023 Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

## Chương II
## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

**Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội**

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 03/4/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc thẻ căn cước…, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước ...., Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội**

4.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty.

4.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

4.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

## Chương III
## THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

**Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội**

5.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời

điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

5.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**Điều 6. Tiến hành Đại hội**

6.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

6.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

6.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

**Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

**Điều 8. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội**

8.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

8.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

8.3.Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

**Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội**

Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

**Điều 10. Biên bản Đại hội**

10.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

**Điều 11. Nghị quyết Đại hội**

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế**

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

***Nơi nhận:***
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

***Phạm Công Hương***

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 762 /BC- TMD

*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

# BÁO CÁO
# THỰC HIỆN SXKD NĂM 2017, NHIỆM KỲ 2013-2018 VÀ KH SXKD NĂM 2018, NHIỆM KỲ 2018-2023

## I. Tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2017.

### 1. Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2017.

| TT | Danh mục | ĐVT | KHPL2017 *(CV6026TKV)* | KH Điều chỉnh *(CV6035)* | Thực hiện năm 2017 | % TH/KH Điều chỉnh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A** | **Sản xuất** | | | | | |
| **I** | ***Than sản xuất*** | Tấn | **1.550.000** | **1.375.000** | **1.254.500** | **91** |
| 1 | Than Hầm lò | Tấn | 1.400.000 | 1.200.000 | 1.120.000 | 93 |
| 2 | Than Lộ thiên | Tấn | **150.000** | **175.000** | **134.500** | **77** |
| | - Nội bộ làm | " | 50.000 | 135.000 | 134.000 | 99 |
| | - Than giao thầu | " | 100.000 | 40.000 | 500 | 1 |
| **II** | ***Bóc đất đá*** | $M^3$ | **2.102.000** | **1.489.000** | **941.500** | **63** |
| 1 | Tự làm | $M^3$ | 663.000 | 913.400 | 777.500 | 85 |
| 2 | Thuê thầu khai thác | $M^3$ | 1.439.000 | 575.600 | 164.000 | 28 |
| **III** | ***Mét lò đào tổng số*** | *M* | **18.700** | **16.000** | **15.700** | **98** |
| 1 | Đào lò CBSX | M | 18.700 | 16.000 | 15.700 | 98 |
| | - Nội bộ làm | " | 16.700 | 15.900 | 15.700 | 99 |
| | - Mét lò đào thuê ngoài | " | 2.000 | 100 | 0 | 0 |
| **IV** | ***Lò xén + xén khôi phục*** | M | **2.000** | **2.000** | **2.600** | **130** |
| 1 | Mét lò xén CBSX | M | 2.000 | 2.000 | 2.600 | 130 |
| **B** | **Than tiêu thụ tổng số** | *Tấn* | **1.519.000** | **1.354.000** | **1.235.000** | **91** |
| 1 | Than NK giao NMT | Tấn | 1.300.000 | 1.200.000 | 1.112.000 | 93 |
| 2 | Than sạch giao KV | Tấn | 219.000 | 154.000 | 123.000 | 80 |
| **C** | **Giá trị đầu tư** | Tr.đ | **248.712** | **110.660** | **87.800** | **79** |
| | Xây lắp | Tr.đ | 103.918 | 5.683 | 3.000 | 53 |
| | Thiết bị | Tr.đ | 126.448 | 96.397 | 79.000 | 82 |
| | Khác | Tr.đ | 18.345 | 8.580 | 5.800 | 68 |
| **D** | **Doanh thu tổng số** | Tr.đ | **1.707.092** | **1.538.350** | **1.445.500** | **94** |

| TT | Danh mục | ĐVT | KHPL2017 *(CV6026TKV)* | KH Điều chỉnh *(CV6035)* | Thực hiện năm 2017 | % TH/KH Điều chỉnh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **E** | **Lợi nhuận** | Tr.đ | 23.636 | 20.500 | 15.000 | 73 |
| **F** | **Thu nhập bình quân** | Tr.đ/ng/th | **11,145** | **10.801** | **10.000** | 93 |
| **G** | **Tồn kho** | Tấn | **23.120** | | **19.500** | |

**2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2017.**

| | | |
|---|---|---|
| Than sản xuất: | 1.254.500 tấn/1.375.000 tấn | = 91%KH |
| *- Tr đó: Than hầm lò:* | 1.120.000 tấn/1.200.000 tấn | = 93%KH |
| *Than lộ thiên:* | 134.500 tấn/175.000 tấn | = 77%KH |
| Đất đá bốc xúc: | 941.500 $m^3$/1.489.000$m^3$ | = 63%KH |
| Mét lò đào tổng số: | 15.700 m/16.000 m | = 98%KH |
| *- Tr đó lò CBSX tự làm:* | 15.700 m/16.000 m | = 98%KH |
| Than tiêu thụ tổng số: | 1.235.000 tấn/1.354.000 tấn | = 91%KH |
| Doanh thu than: | 1.445.500 tr.đ/1.535.350 tr.đ | = 94%KH |

Năm 2017 Công ty các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh đạt thấp so với KH; chủ yếu các nguyên nhân chính:

**1. Tình hình chung.**

- Tình hình địa chất mỏ phức tạp, cả khu vực lộ thiên và hầm lò, điều kiện địa chất phức tạp biến động liên tục không đúng theo dự kiến, qui mô và diện khai thác nhỏ hẹp dẫn đến việc huy động diện gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất lao động.

- Thiết bị công nghệ, vận tải, cơ sở hạ tầng tuy đã được cải tạo, thay thế nhưng vẫn còn nhiều thiết bị cũ, không đồng bộ, đặc biệt là hệ thống thiết bị giếng đứng chính khu Trung tâm, thường xuyên phải sửa chữa, thay thế làm ảnh hưởng đến năng xuất lao động.

**2. Khu vực khai thác hầm lò.**

- Về sản lượng khai thác không đạt là do điều kiện địa chất phức tạp: mất vỉa, phay phá đứt gãy uốn nếp nhiều theo cả đường phương và hướng dốc dẫn đến các gương lò chợ phải dừng khấu để đào lò tránh; các gương lò đào phải dừng đào để khoan thăm dò vỉa do làm cho công tác khấu chống lò chợ gặp nhiều khó khăn phải dừng khấu chuyển diện, số lần chuyển diện thực tế 25 lần và chuyển đổi công nghệ khấu từ ZH sang XDY, áp lực mỏ lớn, khí và nước nhiều do đó sản lượng khai thác không đạt theo kế hoạch.

- Về công tác đào chống lò trong năm 2017, Công ty tập trung thi công các gương lò đào khai thông mở diện cho các vỉa đặc biệt cụm vỉa khu vực ĐBMD vỉa 6; vỉa G9 CĐ; H10 CĐ; vỉa K8, L7 Vũ Môn; vỉa G9, K8, L7 Cánh Tây...nhưng điều kiện địa chất có nhiều biến động gương lò gặp phay, vùng không vỉa, vùng chứa nước

dẫn đến gương lò phải dừng chuyển diện khác để chờ khoan thăm do chuẩn lại tài liệu đó mét lò không đặt theo kế hoạch nhưng tuy nhiên hệ số mét lò năm 2017 Công ty vẫn đảm bảo được theo kế hoạch vì sản lượng khai thác giảm.

- Về độ tro (Ak) trong năm 2017cũng tăng do tập trung khấu ở khu vực vỉa mỏng có lẫn đá kẹp như: K8.VM; K8.CT; H10.CĐ; G9.CĐ; 8BMD dẫn đến độ tro tăng cao.

- Tỷ lệ thu hồi than sạch sàng tại Công ty thấp hơn KH, nhưng tỷ lệ thu hồi than sạch trong than nguyên khai giao cho Công ty tuyển than Cửa Ông tốt hơn kế hoạch. Tổng than sạch trong than nguyên khai khai thác của công ty và độ tro than nguyên khai đảm bảo theo KH TKV giao; giá trị tấn than tiêu thụ bình quân cao.

**3. Đối với khu vực khai thác Lộ thiên.**

- Khu vỉa II11.CĐ là khu vực khấu vét kế thúc khai thác lên hệ số bóc bị giảm hơn so với kế hoạch là 20%.

- Khu vực giao thầu Cánh Tây: Hoàn thiện các thủ tục GPMB và thuê đất đã được UBND tỉnh Quảng Ninh Quyết định số 3835/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017 cho Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin thuê đất khai thác khu vực lộ vỉa Cánh Tây và đã bàn giao mặt bằng cho bên B để thi công.

**2. Công tác khoán và quản trị chi phí:**

- Chế độ chính sách nhà nước thay đổi: Giá tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường tăng, giá nhiên liệu tăng hơn so với kế hoạch.

- Chính sách lương thay đổi: Quỹ tiền lương năm 2017 được xây dựng trên cơ sở khối lượng công việc theo kế hoạch công nghệ, Bộ định mức TKV số 2798/QĐ-TKV ngày 31/12/2015 và hệ số giãn cách tiền lương theo Quyết định số: 1666/QĐ-TKV ngày 30/7/2014. Trong quá trình thực hiện Tập đoàn đã ban hành quy định mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm QĐ số: 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 và được áp dụng kể từ ngày 01/01/2017, ngày 12/9/2017 tại Quyết định số 1699/QĐ-TKV ngày Tập đoàn đã sửa đổi bổ sung một số quy định tại quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017.

**3. Công tác lao động-tiền lương:**

**3.1 Công tác tuyển lao động:**

- Công tác tuyển lao động trong năm không đạt yêu cầu, số lao động tuyển dụng không bù đắp đủ số lao động hao hụt tự nhiên, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động dẫn đến thiếu lao động trong dây chuyền sản xuất chính làm ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.

- Tiền lương, thu nhập không được như kỳ vọng: Theo Phương án tiền lương xây dựng hàng năm tỷ trọng quỹ lương của thợ lò tăng 5÷10%, tuy nhiên do ảnh hưởng của sự cố ngập mỏ năm 2015; năm 2016, năm 2017 diện SX khó khăn sản lượng thấp nên thực tế trong 3 năm gần đây tiền lương có tăng nhưng không đạt được mục tiêu đề ra, có đơn vị không hoàn thành kế hoạch thu nhập người lao động đạt rất thấp 300.000đ-400.00đ/công.

- Các khu công nghiệp nhiều, điều kiện tuyển dụng, tiếp nhận thông thoáng, từ đó thu hút người lao động có tâm lý chọn công việc mặc dù lương thấp nhưng đỡ vất vả hơn so với lao động hầm mỏ và được ở gần gia đình.

**3.2. Công tác tiền lương.**

- Theo kế hoạch phối hợp kinh doanh 6026/TKV-KH ngày 22/12/2016 thì lao động kế hoạch là 3.860 người. Tuy nhiên lao động có mặt thời điểm 31/12/2016 là 3.722 người và lao động đến thời điểm 30/9/2017 còn lại 3.508 người. Công tác tuyển dụng lao động khó khăn, không đáp ứng được nhu nhu cầu nhân lực cho sản xuất chính trong khí đó nhân lực dây truyền phục vụ nhiều.

- Từ các nguyên nhân trên nên Công ty không thực hiện hiện được các chỉ tiêu theo kế hoạch phối hợp kinh doanh dẫn đến năng suất và tiền lương thấp, dự kiến nguồn tiền lương thực hiện của Công ty chỉ đạt 446,9 tỷ/KH: 516,2 tỷ đạt 86,6% KH năm 2017. Tiền lương thực hiện bình quân toàn Công ty chỉ đạt: 10,363 tr.đ/KH: 11,145 tr.đ = 93%.

**4. Công tác đầu tư xây dựng, Môi trường:**

- Các dự án được TKV thông qua chậm dẫn đến việc thực hiện đầu tư chưa đáp ứng được sản xuất trong năm cụ thể:

+ Dự án đầu tư thiết bị DTSX 2017 tháng 7/2017 TKV thông qua nội dung nên các thiết bị đầu tư cuối tháng 12 mới có để để đưa vào sản xuất.

+ Dự án đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều thời tiết biến đổi cực đoan tháng công ty trình TKV từ tháng 5 đến tháng 9 TKV mới thông qua nên công tác thực hiện đầu tư cũng không kịp thời phục vụ cho thoát nước mùa mưa 2017.

+ Đối với diện tích (37,89 ha) chưa GPMB được tại khu vực Đông Bắc Mông Dương (hộ Trần Hoà): Do công tác GPMB chưa triển khai được vì kinh phí bồi thường quá lớn so với đánh giá tài nguyên còn lại, thời hạn giấy phép khai thác còn lại đến 28/12/2018.

**5. Công tác hạch toán kế toán:**

- Vấn đề về thoái vốn của Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả: Hiện nay Công ty đã làm thủ tục niên yết để chào bán cổ phiếu trên sàn Upcom nhưng chưa bán được.

- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp một năm theo quyết định phê duyệt (QĐ số 2212/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008) là 103.976.156.000 đồng trong khi đó Số tiền phí cấp quyền hạch toán vào giá thành 1 năm chỉ có hơn 30 tỷ đồng dẫn đến chênh lệch quá lớn, Số dư tiền cấp quyền hạch toán chờ phân bổ dự kiến đến 31/12/2017 là: 295.430.332.894 đồng.

**6. Công tác Vật tư:**

- Công ty đã xây dựng quy định đánh dấu vật tư và triển khai thực hiện từ tháng 1 năm 2017, tuy nhiên việc đánh dấu vật tư đối với một số vật tư phụ tùng rất khó thực hiện (cụ thể một số loại vật tư như phụ kiện giá thủy lực, vòng bi...).

- Đối với việc mua gỗ trụ mỏ ứng vốn trước: Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến thời điểm hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn, tiến độ thực hiện trả gỗ của các Công ty rất chậm cụ thể năm 2017 Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bình liêu mới trả được 61%, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Vân Đồn mới trả được 16%.

**II. Kết quả thực hiện SXKD tại nhiệm kỳ từ 2013-2018**

**1. Năm 2013:**

**1.1 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu năm 2013:**

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện | Kế hoạch | So sánh(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (B) | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
| **A** | **Chỉ tiêu hiện vật** | | | | |
| 1 | Than sản xuất | tấn | 1.502.028 | 1.550.000 | 96,9 |
| | - Than Hầm lò | tấn | 1.209.561 | 1.350.000 | 89,6 |
| | - Than Lộ thiên | 1000 tấn | 292.467 | 200.000 | 146,2 |
| 2 | Mét lò đào tổng số | m | 18.515 | 19.700 | 94,6 |
| 2.1 | Đào lò XDCB | m | 887 | 900 | 98,6 |
| 2.2 | Đào lò chuẩn bị sản xuất | m | 17.628 | 18.800 | 93,8 |
| | Hệ số đào lò CBSX | m/1000T | 14,6 | 14,01 | 104,0 |
| 3 | Bốc xúc đất đá | $m^3$ | 2.830.413 | 2.000.000 | 141,5 |
| | Hệ số bóc đất đá | $m^3$/tấn | 9,68 | 10,0 | 96,8 |
| 4 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 1.497.997 | 1.515.000 | 98,9 |
| 5 | Doanh thu tổng số | tr.đồng | 1.557.647 | 1.451.347 | 107,3 |
| | Trong đó: DT bán than | tr.đồng | 1.424.715 | 1.397.647 | 101,9 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đồng | 37.352 | 36.957 | 101,1 |
| 7 | Thu nhập bình quân | 1000/ng/thg | 9.329 | 9.359 | 99,7 |
| 8 | Cổ tức | % | 12 | 12 | 100,0% |

**1.2 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

Cùng với sản xuất kinh doanh năm 2013, Công ty thực hiện khối lượng đầu tư tương đối lớn: Lò chứa nước và bể lắng bùn mức -250 khu Trung tâm và Đông Bắc Mông Dương, Hệ thống bơm thoát nước tại hầm bơm mức -250; Hệ thống thẻ tích hợp nhiều mặt quản lý; Toa xe goòng chở người; Hệ thống bộ đàm liên lạc không dây phục vụ toa xe chở người; Hệ thống camera theo dõi tuyến trục; Barie mềm tuyến trục trong hầm lò... và đã đưa vào hoạt động hỗ trợ cho công tác sản xuất, quản lý của Công ty.

Tổng giá trị đầu tư là: 156.895 tr. đồng/KH 162.356 tr.đồng đạt 96,2%.

Trong đó: + Xây lắp 62.758 triệu đồng/ 64.310 tr.đg; đạt 97,6 %.

+ Thiết bị: 78.283 triệu đồng/ 82.546 tr.đg; đạt 94,8%.

+ Chi phí khác: 15.944 tr.đg/ 15.500 tr.đg; đạt 102,9%

**Tóm lại**: Năm 2013, mặc dù nền kinh tế đất nước, Ngành than còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp của các đối tác; sự

cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đề ra, doanh thu, chi phí sản xuất đạt so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 37,35 tỷ đồng, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn 4.000 cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 9.329.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

**1. Năm 2014:**

**1.1 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu năm 2014:**

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện | Kế hoạch | So sánh(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (B) | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
| **A** | **Chỉ tiêu hiện vật** | | | | |
| 1 | Than sản xuất | tấn | 1.631.452 | 1.600.000 | 101.97 |
| | - Than Hầm lò | tấn | 1.262.169 | 1.400.000 | 90.15 |
| | - Than Lộ thiên | 1000 tấn | 369.283 | 200.000 | 184.64 |
| 2 | Mét lò đào tổng số | m | 17.786 | 20.000 | 88.93 |
| 2.1 | Đào lò XDCB | m | 51 | 50 | 102 |
| 2.2 | Đào lò chuẩn bị sản xuất | m | 17.735 | 19.950 | 88.9 |
| | Hệ số đào lò CBSX | m/1000T | 14,05 | 14,1 | 99,7 |
| 3 | Bốc xúc đất đá | $m^3$ | 3.582.042 | 2.200.000 | 162.82 |
| | Hệ số bóc đất đá | $m^3$/tấn | 9,7 | 11 | 88,2 |
| 4 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 1.575.230 | 1.556.000 | 101 |
| 5 | Doanh thu tổng số | tr.đồng | 1.725.910 | 1.573.383 | 109 |
| | Trong đó: DT bán than | tr.đồng | 1.627.335 | 1.571.633 | 103 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đồng | 51.277 | 38.909 | 106 |
| 7 | Thu nhập bình quân | 1000/ng/thg | 10.137.000 | 9.506.000 | 106 |
| 8 | Cổ tức | % | 12 | 12 | 100,0% |

**Tóm lại**: Năm 2014, mặc dù nền kinh tế đất nước, Ngành than còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đề ra, doanh thu, chi phí sản xuất đạt so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 51,27 tỷ đồng, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn 4.000 cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 10.137.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

**3. Năm 2015**

**3.1 Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2015.**

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | | So sánh (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thực hiện | KHĐC | KHĐC |
| 1 | Than Sản xuất | | 1.315.336 | 1.300.000 | 101,2 |
| | Than hầm lò | " | 1.073.544 | 1.000.000 | 107,4 |
| | Than lộ thiên | " | 241.686 | 300.000 | 80,6 |
| 2 | Mét lò đào tổng số | *M* | 14.294 | 12.500 | 114,4 |
| | Mét lò CBSX | " | 14.294 | 12.500 | 114,4 |
| | Mét lò XDCB | " | | | |
| | *Hệ số mét lò CBSX* | *m/10³T* | *13,65* | *12,5* | *109,2* |
| 3 | Đất đá bốc xúc | $M^3$ | 2.501.420 | 3.874.000 | 64,6 |
| | *Hệ số đất bóc* | */T* | *10,35* | *12,91* | *80,2* |
| 4 | Than tiêu thụ | *Tấn* | 1.278.084 | 1.260.000 | 101,4 |
| 5 | Doanh thu than | *Trđ* | 1.452.314 | 1.282.947 | 109,4 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | *Trđ* | 440 | 22.587 | 1,95 |
| 7 | Thuế TNDN | *Trđ* | 354,5 | 4.969 | 7,13 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | *Trđ* | 85,5 | 17.618 | 0,49 |
| 9 | Chi phí KPSC | *Tr.đ* | 199.259 | | |
| 10 | Tiền lương BQ | *Đ/ng-tháng* | 10.632.000 | 10.300.000 | 103,2 |
| 11 | Cổ tức | *%* | 0 | 0 | |

**3. Công tác Đầu tư Xây dựng Cơ bản**

Công ty tập trung vào công tác giải quyết, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục của Dự án giai đoạn II và theo kế hoạch ĐTXD năm 2015 điều chỉnh được Tập đoàn TKV thông qua tại văn bản số 5416/TKV-ĐT ngày 04/11/2015 Công ty thực hiện chuyển tiếp 03 dự án: Dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II; Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2014. thực hiện đầu tư mới 02 dự án: Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2015, Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố nước ngập mỏ năm 2015. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD 2015 như sau

Tổng giá trị đầu tư là: 137.533 tr.đồng/182.514 tr.đồng = 75,4%.
Trong đó: + Xây lắp: 16.381 tr.đồng/38.429 tr.đồng = 42,6%.
+ Thiết bị: 115.698 tr.đồng/138.503 tr.đồng = 83,5%.
+ QL, TV, khác: 5.454 tr.đồng/5.582 tr.đồng = 97,7%.

**Tóm lại:** Năm 2015, mặc dù một số chế độ nhà nước thay đổi, giá cả biến động, Công ty gặp nhiều khó khăn nhất là trong đợt sự cố mưa lũ lịch sử gây ngập mỏ ngày 27/7/2015, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước các cơ quan chính quyền Tỉnh, Thành phố, Địa phương và sự kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành công tác khắc phục sự cố sớm hơn so với kế

hoạch và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật điều chỉnh năm 2015, doanh thu vượt kế hoạch, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 10.632.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Do ảnh hưởng của sự cố ngập mỏ chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với kế hoạch nên không có nguồn chi trả cổ tức năm 2015.

**4. Năm 2016:**

**4.1 Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2016.**

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện | KH ĐC (QĐ2936) | % TH/KH Đ.chỉnh |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Than Sản xuất** | Tấn | **1.346.000** | **1.345.000** | **100,08** |
| | - Than hầm lò | " | 1.195.497 | 1.200.000 | 99,62 |
| | - Than lộ thiên | " | 149.179 | 145.000 | 102,88 |
| **2** | **Mét lò đào tổng số** | M | **14.935** | **15.200** | **98,25** |
| | - CBSX | " | 14.935 | 15.200 | 98,25 |
| | - XDCB | " | - | - | - |
| **3** | **Lò xén** | M | **3.400** | **2.690** | **126,42** |
| | - Mét lò xén CBSX | | 3.400 | 2.690 | 126,42 |
| **4** | **Đất đá bốc xúc** | $M^3$ | **1.443.000** | **1.456.000** | **99,11** |
| | - Tự làm | " | 901.600 | 836.000 | 107,8 |
| | - Thuê ngoài | " | 541.400 | 620.000 | 87,3 |
| | - Thuê thầu KT. | " | - | 2.100.000 | |
| **5** | **Than tiêu thụ** | Tấn | **1.319.100** | **1.323.000** | **99,7** |
| | - Than nguyên khai | " | 1.216.000 | 1.220.000 | 99,6 |
| | - Than sạch | Tấn | 103.100 | 103.000 | 100 |
| **6** | **Doanh thu tổng số** | Trđ | **1.557.824** | **1.539.560** | **101,1** |
| | - DT than | Trđ | 1.548.335 | 1.532.898 | 101 |
| | - DT khác | Trđ | 9.489 | 6.662 | 142 |
| **7** | **Lợi nhuận** | Trđ | **29.973** | **19.747** | **151,7** |
| **8** | **Tồn kho** | Tấn | **27.900** | | |
| **9** | **Tiền lương BQ** | Đ/ng-tháng | 10.622.000 | 10.569.000 | 100,5 |
| **10** | **Cổ tức** | % | **6** | | |

**3. Công tác Đầu tư Xây dựng Cơ bản**

3.1 Tình hình thực hiện

Công ty tập trung vào công tác giải quyết, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thực hiện tiếp trả nợ khối lượng năm trước 04 dự án (Dự án đầu tư khai thác giai đoạn II; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2014; Dự án đầu tư thiết bị năm 2015; Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố năm 2015) Thực hiện chuyển tiếp 02 dự án (Dự án đầu tư khai thác giai đoạn II, Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân); thực hiện đầu tư mới dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016; Chuẩn bị đầu tư dự án nâng cao

năng lực thoát nước phục vụ khai thác hầm lò. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD 2016 như sau:

Tổng giá trị đầu tư thực hiện là: 143.290 tr.đồng/KH: 205.450 tr.đồng, đạt 69,7%.

Trong đó: + Xây lắp 48.999 tr.đồng/ KH: 58.191 tr.đồng; đạt 84,%.

+ Thiết bị: 90.262 tr.đồng/KH: 139.833 tr.đồng; đạt 64,5%.

+ Chi phí quản lý, tư vấn và khác: 4.029 tr.đồng/KH: 7.426 tr.đồng; đạt 54,3%.

3.2. Công tác môi trường tập trung

Năm 2016 Công ty thực hiện dự án cải tạo khối phục suối +9,8 khối lượng thực hiện trong năm đạt 80% tương ứng với giá trị 6.423.547.584 đồng khối lượng còn lại 20% chưa thi công do mặt bằng chưa được giải phóng xong (22 hộ khu vực hạ lưu suối) phần khối lượng này sẽ được Công ty thực hiện hoàn thành trước mùa mưa bão năm 2017.

3.3. Công tác địa chính- Giải phóng mặt bằng

Kế hoạch bồi thường GPMB năm 2016 tổng số 50 hộ dân cần di dời giá trị 52.133.848.462 đồng. Thực hiện năm 2016 di dời tổng số 37 hộ dân giá trị đã chi trả là 33.439.533.186 đồng.

Tóm lại: Năm 2016, mặc dù một số chế độ nhà nước thay đổi, giá cả biến động, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước các cơ quan chính quyền Tỉnh, Thành phố, Địa phương và sự kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật điều chỉnh năm 2016, doanh thu vượt kế hoạch, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 10.622.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

Năm 2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 150 tỷ lên 214 tỷ.

Do vậy năm 2016 Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông là 6%.

**III. Các chỉ tiêu chính KH SXKD năm 2018 và KH nhiệm ký 2018-2023.**

| TT | Danh mục | ĐVT | KHPL2018 *(CV6059TKV)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **A** | **Sản xuất** | | | |
| **I** | ***Than sản xuất*** | Tấn | **1.450.000** | |
| 1 | Than hầm lò | Tấn | 1.300.000 | |
| 2 | Than Lộ thiên | Tấn | 150.000 | |
| | - Nội bộ làm | " | 50.000 | |
| | - Than giao thầu | " | 100.000 | |
| **II** | ***Bóc đất đá*** | $M^3$ | **2.011.000** | |
| 1 | Tự làm | $M^3$ | 664.000 | |

| TT | Danh mục | ĐVT | KHPL2018 *(CV6059TKV)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Thuê thầu khai thác | $M^3$ | 1.347.000 | |
| **III** | ***Mét lò đào tổng số*** | *M* | **17.800** | |
| 1 | Đào lò CBSX | M | 17.800 | |
| | - Nội bộ làm | " | 15.800 | |
| | - Mét lò đào thuê ngoài | " | 2.000 | |
| **IV** | ***Lò xén*** | M | **500** | |
| **1** | Mét lò xén CBSX | M | 500 | |
| **B** | **Than tiêu thụ tổng số** | *Tấn* | **1.426.000** | |
| 1 | Than NK giao NMT | Tấn | 1.250.000 | |
| 2 | Than sạch giao KV | Tấn | 176.000 | |
| **C** | **Giá trị đầu tư** | Tr.đ | **202.701** | |
| | Xây lắp | Tr.đ | 50.704 | |
| | Thiết bị | Tr.đ | 136.979 | |
| | Khác | Tr.đ | 15.018 | |
| **D** | **Doanh thu tổng số** | Tr.đ | **1.673.131** | |
| **E** | **Lợi nhuận** | Tr.đ | 22.954 | |
| **F** | **Thu nhập bình quân** | Tr.đ/ng/th | **11.888** | |

## III. Các chỉ tiêu chính KH SXKD năm 2018 và KH nhiệm kỳ 2018-2023.

| TT | Tên chỉ tiêu | ĐVT | Diễn biến thực hiện | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 2019 | 2020 | 2.021 | 2.022 | |
| **1** | **Than nguyên khai** | **1000 t** | **1.650** | **1.650** | **1.650** | **1.650** | |
| | ***- Than lộ thiên*** | ,, | ***150*** | ***150*** | ***150*** | ***150*** | |
| | *+ Tự làm* | | | | | | |
| | *+ Thuê thầu* | | 150 | 150 | 150 | 150 | |
| | ***- Than hầm lò*** | ,, | ***1.500*** | ***1.500*** | ***1.500*** | ***1.500*** | |
| **2** | **Đất đá bóc** | **1000 m3** | **1.275** | **965** | **1.141** | **1.557** | |
| | + Công ty | 103m3 | | | | | |
| | + Giao thầu khai thác | ,, | 1.275 | 965 | 1.141 | 1.557 | |
| **3** | **Đào lò mới** | **m** | **19.800** | **19.500** | **19.500** | **19.500** | |
| a | Mét lò CBSX | m | **19.800** | **19.500** | **19.500** | **19.500** | |
| | - Lò đá, | ,, | 5.500 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | 19,84286 |
| | - Lò than, | ,, | 14.300 | 14.500 | 14.500 | 14.500 | |
| | ***+ Mét lò thuê ngoài*** | | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 | |

| TT | Tên chỉ tiêu | ĐVT | Diễn biến thực hiện | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 2019 | 2020 | 2.021 | 2.022 | |
| b | Mét lò xén | m | 2.500 | 2.500 | 2.500 | 2.500 | |
| **VII** | Chỉ tiêu công nghệ | | | | | | |
| 1 | Hệ số bóc chung công ty | | 8,50 | 6,43 | 7,61 | 10,38 | |
| | + Công ty | | | | | | |
| | + Giao thầu khai thác | | 8,50 | 6,43 | 7,61 | 10,38 | |
| 2 | Hệ số mét lò CBSX | m/1000t | 13,20 | 13,00 | 13,00 | 13,00 | |

**IV. Các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả SXKD giai đoạn năm 2018÷2023.**

**1. Khu vực khai thác hầm lò.**

Trữ lượng CN (than NK) mức -250-:- -100 còn lại (từ năm 2018) xấp xỉ 12,15 triệu tấn, thời gian tồn tại xấp xỉ 8 năm, do đó ngay từ đầu năm 2018 phải tập trung thi công đào cặp lò Ngầm trung tâm xuống sâu đến mức -400 để khai thông nhanh cho phân tầng mức -400-:- -250. Dự kiến đến hết năm 2018 sẽ thông được cặp ngầm ở mức -400, đến hết năm 2020 thi công xong hệ thống sân ga hầm trạm cho mức -400.

Công ty đã được TKV giao quản lý, bảo vệ ranh giới mỏ, tài nguyên trữ lượng than tại mỏ Bắc Cọc Sáu (Dưới mức -200) và gầm mỏ Cọc Sáu theo quyết định số: 2072/QĐ-TKV, tuy nhiên đối với tài nguyên trữ lượng khu mỏ Bắc Cọc Sáu với tỷ lệ tin cậy thấp (33,6%) cần phải khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng, dự kiến cuối năm 2021 Công ty mới tiến hành khoan thăm dò và nâng cấp được trữ lượng để lập dự án khai thác hầm lò mở rộng nâng công suất mỏ than Mông Dương (bao gồm cả tài nguyên trữ lượng của mỏ Mông Dương, mỏ Bắc Cọc Sáu và gầm Cọc Sáu huy động về, dự kiến đến hết năm 2024 mới tiến hành xong các thủ tục, do đó để đưa phân tầng -250 ÷ -400 vào sản xuất phải tiến hành các thủ tục lập dự án duy trì sản xuất để đảm bảo tiến độ khai thông tầng -250-:- -400 ngay từ năm 2018 (Đặc biệt là thi công đào Giếng đứng Trung tâm để phục vụ cho công tác vận tải, thông gió, thoát nước cho phân tầng -250÷ -400.

Khu vực ĐBMD từ mức -150-:--250 lộ vỉa trữ lượng CN theo tài liệu địa chất còn lại 2,4 triệu tấn, tuy nhiên, qua quá trình thi công đào lò khai thông chuẩn bị cho khu vực này điều kiện địa chất gặp nhiều biến động khác so với tài liệu, phay phá, vỉa mỏng < 0,8m (Trữ lượng CN khu vực đã chuẩn bị được chỉ còn ≈ 60.000T (Vỉa 8, vỉa 6). Trong KH 2018 Công ty có huy động đào lò CBSX khai thông mở diện cho vỉa 6, để chuẩn bị 02 lò chợ vào cuối năm, tuy nhiên hiện tại Công ty đã phải dừng đào lò, 6 tháng cuối năm sản lượng khai thác sẽ tập trung vào khu vực trung tâm, do đó dây truyền vận tải lên than hầm lò gặp nhiều khó khăn, trước mắt Công ty sẽ tập trung cải tạo nâng cấp lại hệ thống vận tải của dây truyền lên than mỏ để đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, để nâng cao năng lực vận

tải kết nối liên hoàn với tuyến băng tải trung hầm lò để vận chuyển than liên tục từ mức -250 lên mặt bằng, Công ty sẽ phải thi công bổ sung đào ngay tuyến ngầm vận tải băng tải từ mặt bằng mức +20-:- -97,5 (theo dự án).

Với tỷ lệ hao hụt nhân lực tự nhiên hàng năm theo thống kê của Công ty thì số lượng công nhân tuyển bổ sung hàng năm chỉ đủ đến bù tỷ lệ hao hụt, trong điều kiện nguồn nhân lực ngày càng hạn chế thì việc áp dụng cơ giới hóa khai thác, nâng cao, công suất, năng suất là hết sức cần thiết. Trong năm 2018 Công ty sẽ chủ động phối hợp với Viện KHCN mỏ rà soát tài liệu địa chất các vỉa, lập hồ sơ để đưa ngay lò chợ cơ giới hóa khai thác vào từ năm 2019 (Vỉa L7 Vũ môn trữ lượng công nghiệp xấp xỉ 4 triệu tấn (Từ mức -400-:- -250), trong đó từ mức -250-:- -100 xấp xỉ 2,5 triệu tấn) để nâng công suất khai thác lò chợ, năng suất lao động.

Về công nghệ khai thác sử dụng tối đa vì chống thuỷ lực (XDY; ZH-1600) để chống giữ lò chợ và duy trì công nghệ chống giữ lò chợ bằng dàn chống mềm ZRY khai thác vỉa dốc đứng nhằm tăng năng suất, an toàn.

Tập trung tối đa cho công tác chống lò bằng vì neo cho các gương lò có điều kiện áp dụng phù hợp để giảm chi phí vật liệu, giảm khối lượng, chi phí vận chuyển vật liệu chống giữ và chi phí duy tu xén lò.

Sơ đồ khai thông chuẩn bị mỏ Mông Dương bao gồm rất nhiều các tuyến vận tải, lò nghiêng, giếng mù, diện sản xuất không tập trung, trải dài do đó việc cơ giới hóa tối đa cho công tác đi lại, vận chuyển chở người, vật liệu giảm thời gian đi lại, sức lao động thủ công, nâng cao hiệu quả an toàn được tập trung tối đa.

**2. Khu vực khai thác Lộ thiên.**

Khu vực Cánh Tây: Thuê thầu khai thác, trữ lượng 327.000 tấn, đến cuối năm 2017 mới khai thác được, trong năm 2018 KH sản lượng 100.000 tấn, như vậy, thời gian thực hiện kết thúc khai thác phải đến hết năm 2020 mới kết thúc khai thác được. Theo giấy phép khai thác (số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ tài nguyên Môi trường) thời hạn khai thác đến 30/12/2018, để tiếp tục thực hiện giao thầu khai thác khu vực này cần phải lập thiết kế điều chỉnh để xin gia hạn giấy phép khai thác để đưa vào khai thác cho các năm 2019, 2020.

Khu vực Cánh Đông: Công ty đã kết thúc khai thác theo giấy phép gia hạn số 697/GP-BTNMT (thời hạn giấy phép hết 30/12/2017), tuy nhiên trữ lượng than còn lại chưa khai thác hết đến mức -10 của giấy phép gia hạn số 697 là 69.587 tấn, hiện nay Công ty đang tạm dừng khai thác khu vực Cánh Đông để xin ý kiến của Tổng Cục Địa chất- Khoáng sản Việt Nam được tiếp tục khai thác hết trữ lượng trong giấy phép được cấp. Phần trữ lượng than từ mức -10-:- -40 của vỉa II11 Cánh Đông là 210.000 tấn, hiện nay Công ty đang triển khai lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và làm các thủ tục để xin cấp phép khai thác dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ tiến hành khai thác.

Khu vực Đông Bắc Mông Dương: Tổng trữ lượng than 211.000 tấn, tập trung tại vỉa 8; 9; 10 theo giấy phép khai thác số 2684/GP-BTNMT. Trong đó khu vực vỉa 8 trữ lượng 183.000 Tấn (chiếm 86% trữ lượng ĐBMD) dự kiến tiến hành khai thác vào năm 2019, 2020, hiện nay không giải phóng được mặt bằng để làm

thủ tục thuê đất do vướng mắc về ranh giới với công ty Thiên Thuận Tường, cũng như dự án khu giết mổ gia súc tập trung mới giáp khai trường khai thác khu vực vỉa 8. Công ty sẽ tính toán lại chi phí và báo cáo TKV xin chủ trương cho Công ty được thuê ngoài đơn vị có đủ năng lực thực hiện các khâu công đoạn khai thác than khu vực vỉa 8 ĐBMD có sự kiểm soát các chỉ tiêu công nghệ.

**3. Kế hoạch thực hiện đầu tư giai đoạn 2018-2020.**

Năm 2018 theo kế hoạch Công ty dự kiến sẽ thực hiện 04 dự án trong đó: Chuyển tiếp Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh) và dự án bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan; Đầu tư mới dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2018; Hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò. Tổng giá trị dự kiến thực hiện xây dựng cơ bản là 188.511 Tr.đồng.

Năm 2019 Công ty dự kiến thực hiện đầu tư mới 05 dự án bao gồm: Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019; Dự án đầu tư trạm xử lý nước sinh hoạt và nước thải sinh hoạt công suất đến 1500$m^3$/ngày đêm; Dự án cơ giới hóa khai thác lò chợ mỏ than Mông Dương; Dự án Tự động hóa hệ thống hầm bơm và kiểm soát nước mỏ (giai đoạn I hầm bơm -250 khu Đông Bắc); Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương. Tổng giá trị dự kiến thực hiện năm 2019 là 239.574 Tr.đồng.

Năm 2020 Công ty dự kiến thực hiện đầu tư mới 03 dự án: Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020; Dự án đầu tư xây dựng nhà tắm giặt sấy và khu chế biến nhà ăn; Tự động hóa hệ thống hầm bơm và kiểm soát nước mỏ (Giai đoạn II hầm bơm -250 khu Trung Tâm); Dự án DTSX mức dưới -250 mở rộng sản xuất. Tổng giá trị dự kiến thực hiện năm 2020 là 123.194 tr.đồng.

Đối với các dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất hàng năm Công ty sẽ chủ động thực hiện lập ngay các dự án sau khi có kế hoạch kỹ thuật công nghệ đồng thời trình phê duyệt các cấp thẩm quyền trong thời gian sớm nhất để kịp thời đầu tư có thiết bị phục vụ sản xuất.

Đối với dự án Đầu tư DTSX mức dưới -250 mở rộng sản xuất Công ty sẽ thực hiện đẩy nhanh công tác khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng đồng thời làm các thủ tục xin cấp phép khai thác để đảm bảo lập được dự án trong năm 2020.

Trên đây là báo cáo về thực hiện SXKD năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2017) và KHSXKD năm 2018, nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.

Xin trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận***
- HĐQT; BKS; Giám đốc (ecopy);
- Phòng KH, TCLĐ, Thư ký (ecopy);
- Lưu: Văn thư, KH (2); Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

***Phạm Công Hương***

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**

Số: 763 /BC-TMD

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

# BÁO CÁO
## Hoạt động của HĐQT năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018); Phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ III (2018-2023)

Thực hiện quyết định số 3673/QĐ-BCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Công ty Than Mông Dương- TKV thành Công ty cổ phần Than Mông Dương - TKV đến nay Công ty đã trải qua 02 nhiệm kỳ kế hoạch 05 năm.

Với mục tiêu "An toàn, ổn định, hiệu quả" vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và nhiệm kỳ III (2018-2013) lần này, Hội đồng Quản trị kiểm điểm tình hình hoạt động của HĐQT năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018) đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2018 và nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:

## I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017, NHIỆM KỲ II (2013 – 2018).

Trong năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018), Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên trung bình mỗi tháng 2 lần, giải quyết các việc liên quan đến công tác chỉ đạo quản lý điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

### 1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT.

***a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.***

| | Họ và tên | Chức vụ | Điều hành/Độc lập/Không điều hành | Tỷ lệ sở hữu (%) | | Thời gian giữ chức tại Công ty |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đại diện | Sở hữu | |
| 1 | Phạm Công Hương | Chủ tịch | Không ĐH | 54,03 | 0 | (03/4-:- 31/12)/2017 |
| 2 | Nguyễn Quế Thanh | Uỷ viên | Điều hành | | 0 | (03/4-:- 31/12)/2017 |
| 3 | Bùi Văn Kiểm | Uỷ viên | Điều hành | | 0,016 | (01/01-:- 31/12)/2017 |
| 4 | Phạm Thị Hải | Uỷ viên | Điều hành | | 0,015 | (01/01-:- 31/12)/2017 |
| 5 | Vadym D'omin | Uỷ viên | Không ĐH | 16,99 | 0 | (01/01-:- 31/12)/2017 |

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông: Phạm Công Hương đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị ba đơn vị: Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; Công ty cổ phần than Núi Béo- Viancomin và Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

***b. Về nội dung họp HĐQT:***

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 24 Nghị quyết liên quan đến các công việc chủ yếu trong 07 lĩnh vực quản lý, điều hành sau: Giám sát, quản lý điều hành SXKD…; Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò; Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ; Lao động tiền lương, chế độ chính sách…; Quản lý tài chính; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ; Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông…

Chi tiết nội dung các cuộc họp HĐQT được Công ty nêu tại Báo cáo quản trị Công ty hàng năm và được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

**2. Về thực hiện nhiệm vụ được giao:**

***a. Nhiệm vụ SXKD:***

Năm 2017, nhiệm kỳ II (2013 – 2018) là giai đoạn Công ty dần giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, tập trung diện khai thác than Hầm lò. Do đó cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành than, diện khai thác của Công ty ngày càng đi xa, xuống sâu gặp nhiều khó khăn về điều kiện địa chất, khí, gió, nước, vận tải..., về thời tiết mưa bão kéo dài năm 2015 gây ngập mỏ phải dừng SX để khắc phục hậu quả mưa lũ, thiết bị sau ngập mỏ nhanh chóng xuống cấp, hỏng nhiều... song với trách nhiệm, kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, và được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách phấn đấu hoàn thành cơ bản nhiệm vụ SXKD năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018) do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định.

**Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2017**

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua | Kế hoạch Điều chỉnh thông qua | Thực hiện năm 2017 | Tỷ lệ TH/KH năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua | Kế hoạch Điều chỉnh thông qua |
| (A) | (B) | (C) | 1 | 2 | 3 | (5=3/1) | (4=3/2) |
| 1 | Sản lượng | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.1 | Than sản xuất | $10^3$Tấn | 1,550 | 1,375 | 1,255 | 80.9 | 91.2 |
| | *+ Hầm lò* | | 1,400 | 1,200 | 1,120 | 80.0 | 93.3 |
| | *+ Lộ thiên* | | 150 | 175 | 135 | 89.9 | 77.0 |
| 1.2 | Đất đá bốc xúc | $10^3$M3 | 2,102 | 1,489 | 942 | 44.8 | 63.2 |
| 1.3 | Mét lò đào | m | 18,700 | 16,000 | 15,717 | 84.0 | 98.2 |
| 1.4 | Than tiêu thụ | $10^3$tấn | 1,519 | 1,350 | 1,236 | 81.4 | 91.6 |
| 2 | Tổng d.thu | Tr.đg | 1,707,292 | 1,538,350 | 1,445,500 | 84.7 | 94.0 |
| | Trg đó: DT than | Tr.đg | 1,707,292 | 1,538,350 | 1,438,144 | 84.2 | 93.5 |
| 3 | Giá trị đầu tư | Tr.đg | 221,976 | 111,112 | 68,892 | 31.0 | 62.0 |
| | - Xây lắp | Tr.đg | 103,918 | 5,683 | -5,533 | -5.3 | -97.4 |
| | - Thiết bị | Tr.đg | 102,309 | 96,443 | 70,958 | 69.4 | 73.6 |
| | - Chi phí khác | Tr.đg | 15,749 | 8,986 | 3,466 | 22.0 | 38.6 |
| 4 | Lợi nhuận | Tr.đg | 23,636 | 20,500 | 19,306 | 81.7 | 94.2 |
| 5 | Cổ tức | % | 6.0 | | 4.0 | | |

**Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ II (2013 – 2018)**

Chi tiết đánh giá mọi hoạt động SXKD đề nghị Quý vị cổ đông xem tại Báo cáo kết quả SXKD năm 2017, nhiệm kỳ II (2013 ÷ 2018); Kế hoạch SXKD năm 2018, nhiệm kỳ III (2018 ÷ 2023) đăng tại trang Web của Công ty.

***b. Nhiệm vụ tăng vốn Điều lệ***

- Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

- Việc tăng vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; mọi quyền lợi của cổ đông được đảm bảo. Trước và sau đợt phát hành cổ phiếu thưởng, Công ty không nhận được bất kỳ khiếu kiện nào từ phía các cổ đông.

***c. Nhiệm vụ bảo toàn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh.***

- Năm 2017, nhiệm kỳ II (2013-2018) hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao, Công ty đã bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh đồng thời chấp hành đầy đủ chính sách thuế và nghĩa vụ của Nhà nước, cụ thể:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thời điểm (31/12) | | Tỉ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2013 | Năm 2017 | % |
| 1 | Tổng nguồn vốn | Tỷ đồng | 927,635 | 1,320,500 | 142,3 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | " | 211,695 | 229,341 | 108,3 |
| 3 | Nghĩa vụ thuế | Tỷ đồng | 190,502 | 387,339 | 201,7 |

- Về công tác thoái vốn: Công ty đang tiến hành thoái vốn tại Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả và đang chào bán cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán upcom.

***d. Về công tác giám sát***

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng… thông qua việc giám sát chấp hành các

quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra và có đánh giá, nhận xét như sau:

- Các cán bộ quản lý Công ty đều có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;

- Các cán bộ quản lý Công ty không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, triển khai kiểm soát tốt mọi hoạt động SXKD Công ty. Các văn bản quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty ban hành không vượt quá thẩm quyền phù hợp với các chuẩn mực, quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

***Tóm lại:*** Trong nhiệm kỳ hoạt động 5 năm 2013-2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

## II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2018, NHIỆM KỲ (2018 – 2023):

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể như sau:

### A. Mục tiêu:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty lâu dài.

### B. Nhiệm vụ.

1. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xuống sâu khai thác hầm lò mỏ than Mông Dương để duy trì SX cho các năm tiếp theo.

2. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án tái cấu trúc để phù hợp theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

3. Triển khai thực hiện cơ chế tuyển dụng, thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

4. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa lò chợ, tự động hóa vào sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí…

5. Giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một các vững chắc.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

7. Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

8. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, nhiệm kỳ II (2013-2018); phương hướng nhiệm vụ năm 2018, nhiệm kỳ III ( 2018-2023). Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Quý vị cổ đông.

***Nơi nhận:***
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

**Phạm Công Hương**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**
Số: 765/QC-MDC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày tháng 4 năm 2018*

# QUY CHẾ BẦU CỬ
# HĐQT, BKS CÔNG TY NHIỆM KỲ III

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2016;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và nhiệm kỳ III năm 2018-2023 ("Đại hội") của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin ("Công ty") dự kiến tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") của Công ty theo các quy định sau:

**Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử**

1.1. Nguyên tắc bầu cử:

a) Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;

b) Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông của Công ty hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo danh sách chốt cổ đông vào ngày 03/4/2018 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

**Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT, BKS**

2.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên, số lượng thành viên BKS được bầu là 03 thành viên.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên HĐQT và BKS: Thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

**Điều 3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS**

3.1. Trước giờ khai mạc Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT và BKS.

3.2. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện như sau:

- Đối với thành viên HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách họp Đại hội đồng cổ đông (03/4/2018) được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ (năm) ứng viên.

- Đối với thành viên BKS: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách họp Đại hội đồng cổ đông (03/4/2018) được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và nếu từ 50% trở lên được đề cử đủ (ba) ứng viên

3.3. Trường hợp số lượng các ứng viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ năm (05) ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT và ba (03) ứng viên cho vị trí thành viên BKS, thì HĐQT, BKS đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng viên HĐQT, BKS cho đủ số lượng nêu trên.

**Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS**

4.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT và BKS;

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;

- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong ít nhất sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách cổ đông họp ĐHĐCĐ do Công ty Chứng khoán nơi cổ đông đó mở tài khoản hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận. Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký chứng khoán thì Công ty xác nhận số cổ phần. Đối với các cổ đông nội bộ Công ty, cổ đông lớn của Công ty thì không cần giấy xác nhận cổ phần. Trường hợp cần xác minh lại số cổ phần của cổ đông, Công ty sẽ liên hệ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để đối chiếu xác nhận thông tin.

- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ theo mẫu của Công ty quy định (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

- Bản sao công chứng CMND hoặc hộ chiếu của ứng cử viên;

- Xác nhận về nhân thân và chữ ký của cổ đông là cá nhân (áp dụng đối với trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông là cá nhân đề cử ứng cử viên) như sau:

+ Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công chứng; hoặc

+ Cổ đông trực tiếp đến trụ sở Công ty để đối chiếu, xác nhận với Ban tổ chức Đại hội chậm nhất là trước 16h00 ngày 23/04/2018.

4.2. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử phải được gửi về Văn phòng Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin, phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh trước trước 16h00 ngày 23/04/2018.

Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử trực tiếp tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay, đầy đủ hồ sơ đề cử/ứng cử như Mục 4.1 nêu trên cho Chủ tọa Đại hội để được xem xét đưa vào danh sách ứng viên.

4.3. Chỉ những hồ sơ ứng cử/đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử /đề cử, gửi về Công ty đúng thời hạn nêu trên và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

**Điều 5. Phương thức bầu cử**

5.1. Việc bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (05 thành viên) khi bầu HĐQT, số thành viên được bầu của BKS (03 thành viên) khi bầu BKS Công ty.

5.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một (01) ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.

**Điều 6. Phiếu bầu cử, cách ghi phiếu, bỏ phiếu, kiểm phiếu**

6.1. Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS:

a) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được cấp Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS ngay trước khi việc bầu cử diễn ra. Phiếu bầu cử trên đó có ghi: (1) Tên cổ đông; (2) mã số cổ đông; (3) số cổ phần và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS; (4) Tên các ứng viên đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS được Đại hội biểu quyết thông qua.

b) Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS có đóng dấu treo của Công ty.

6.2. Cách ghi phiếu và tính hợp lệ, không hợp lệ của phiếu bầu cử:

a) Cách ghi phiếu: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đồng ý bầu cho ứng viên nào, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

b) Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Là Phiếu bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;

- Phiếu bầu cử có đóng dấu treo của Công ty;

- Phiếu bầu cử không bị rách, tẩy xoá, sửa chữa; phiếu ghi đầy đủ tên các ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua;

- Được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền ký xác nhận;

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;

- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên không vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

c) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;

- Phiếu bầu cử không có dấu treo của Công ty;

- Phiếu bầu cử bị rách, tẩy xoá, sửa chữa; phiếu ghi thêm tên các ứng cử viên không được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua;

- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;

- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu;

- Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

6.3. Nguyên tắc bỏ phiếu:

a) Ban kiểm phiếu sẽ lập các hòm phiếu và tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

6.4. Quy định việc kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc theo quy định như sau:

- Ban kiểm phiếu làm việc trong một (01) phòng riêng hoặc khu vực riêng. Ngoài Ban kiểm phiếu và các thành viên giúp việc đã được Ban kiểm phiếu phân công thì không cho phép bất cứ người nào khác vào trong khu vực kiểm phiếu, kể cả cổ đông Công ty.

- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc cần thiết.

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu.

- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu bầu và ghi kết quả kiểm phiếu.

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu, bàn giao lại cho HĐQT ngay sau khi Đại hội bế mạc.

b) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu công bố tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;

- Thành phần Ban kiểm phiếu;

- Tổng số cổ đông tham gia dự họp;

- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;

- Số Phiếu bầu hợp lệ, Phiếu bầu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS;

- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của Chủ tọa Đại hội.

**Điều 7. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS**

Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT là năm (05) thành viên, BKS là ba (03) thành viên. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau ngay tại Đại hội.

**Điều 8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu**

Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ trực tiếp kiểm tra lại. Nếu phát hiện sai sót hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu, Ban tổ chức Đại hội sẽ tổ chức bầu cử lại và Ban kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ được ghi vào Biên bản Đại hội.

**Điều 9. Hiệu lực của Quy chế**

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

* Đính kèm Quy chế:

- Mẫu đơn cổ đông tự ứng cử thành viên HĐQT, BKS;

- Mẫu đơn cổ đông và/hoặc Nhóm cổ đông đề cử ứng viên HĐQT, BKS;

- Sơ yếu lý lịch do các ứng viên tự khai.

***Nơi nhận:***
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

**Phạm Công Hương**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 769/TTr - TMD

*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

# TỜ TRÌNH

## V.v Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017; Kế hoạch lợi tức năm 2018 - Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và chế độ tài chính kế toàn hiện hành;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng hoạch tức năm 2018 như sau:

**I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017**:

| | | |
|---|---|---|
| **1. Tổng lợi nhuận trước thuế:** | **19.305.676.662** | **đồng** |
| **2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:** | **7.998.240.335** | **đồng** |
| **3. Lợi nhuận sau thuế:** | **11.307.436.327** | **đồng** |
| a. Chia cổ tức năm 2017 (4% vốn điều lệ): | 8.567.338.400 | đồng |
| b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ: | 2.740.097.927 | đồng |
| Trong đó: | | |
| - Quỹ đầu tư phát triển: | 0 | đồng |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi: | 2.556.318.701 | đồng |
| - Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty: | 183.779.226 | đồng |
| *(1,0 tháng lương BQ thực hiện của VCQL)* | | |

**II. Tổ chức chi trả cổ tức năm 2017:** Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2018. Đề nghị Đại hội

đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

**III. Kế hoạch trả cổ tức năm 2018**: Mức trả cổ tức dự kiến từ 4% -:- 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**Nơi nhận:**
- Cổ đông của Công ty;
- Uỷ viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Văn phòng (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

**Phạm Công Hương**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

Số: 768 /TTr - TMD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2017
## Đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán PKF Việt Nam

### A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| STT | Nội dung | | Số dư đầu kỳ (01/01/2017) | Số dư cuối kỳ (31/12/2017) |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tài sản ngắn hạn** | | **382,353,470,846** | **371,461,747,286** |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | | 2,812,785,841 | 3,495,525,272 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 0 | 12,425,430,000 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 337,716,223,352 | 315,126,343,152 |
| 4 | Hàng tồn kho | | 31,904,545,794 | 29,290,197,149 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | | 9,919,915,859 | 11,124,251,713 |
| **II** | **Tài sản dài hạn** | | **937,473,723,844** | **949,039,171,416** |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | | 18,912,415,729 | 20,160,695,141 |
| 2 | Tài sản cố định | | 537,095,773,382 | 565,952,044,052 |
| | *- Tài sản cố định hữu hình* | | 537,095,773,382 | 565,952,044,052 |
| | *- Tài sản cố định vô hình* | | | |
| | *- Tài sản cố định thuê tài chính* | | | |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 106,094,003,138 | 8,165,012,040 |
| 4 | Bất động sản đầu tư | | 0 | 0 |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 9,067,141,030 | 0 |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | | 266,304,390,565 | 354,761,420,183 |
| | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)** | | **1,319,827,194,690** | **1,320,500,918,702** |
| **III** | **Nợ phải trả** | | **1,075,045,018,546** | **1,084,653,956,411** |
| 1 | Nợ ngắn hạn | | 556,075,771,896 | 535,425,804,330 |
| 2 | Nợ dài hạn | | 518,969,246,650 | 549,228,152,081 |
| **IV** | **Nguồn vốn chủ sở hữu** | | **244,782,176,144** | **235,846,962,291** |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | | 237,398,511,091 | 229,341,044,114 |
| | *- Vốn đầu tư của chủ sở hữu* | | *214,183,460,000* | *214,183,460,000* |
| | *- Thặng dư vốn cổ phần* | | *0* | *0* |
| | *- Quyền chọn chuyển đổi trái* | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *phiếu* | | | |
| | *- Vốn khác của chủ sở hữu* | | *0* | *0* |
| | *- Cổ phiếu quỹ* | | | |
| | *- Chênh lệch đánh giá lại tài sản* | | | |
| | *- Chênh lệch tỷ giá hối đoái* | | | |
| | *- Quỹ đầu tư phát triển* | | *1,058,478,200* | *3,850,147,787* |
| | *- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp* | | *0* | *0* |
| | *- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp* | | | |
| | *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* | | *22,156,572,891* | *11,307,436,327* |
| | *- Nguồn vốn đầu tư XDCB* | | *0* | *0* |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | | 7,383,665,053 | 6,505,918,177 |
| - | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)** | - | **1,319,827,194,690** | **1,320,500,918,702** |

**B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

| STT | Chỉ tiêu | | Năm trước | Năm nay |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1,590,547,542,010 | 1,444,346,612,605 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | 0 | 0 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1,590,547,542,010 | 1,444,346,612,605 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | | 1,353,920,232,737 | 1,228,557,989,853 |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 236,627,309,273 | 215,788,622,752 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | | 584,536,753 | 598,270,886 |
| 7 | Chi phí tài chính | | 48,784,245,425 | 58,469,907,361 |
| 8 | Chi phí bán hàng | | 16,722,250,940 | 14,123,957,528 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 141,338,347,545 | 122,704,507,828 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 30,367,002,116 | 21,088,520,921 |
| 11 | Thu nhập khác | | 1,411,807,526 | 555,496,709 |
| 12 | Chi phí khác | | 3,001,585,703 | 2,338,340,968 |
| 13 | Lợi nhuận khác | | (1,589,778,177) | (1,782,844,259) |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 28,777,223,939 | 19,305,676,662 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | 6,706,175,528 | 7,998,240,335 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 16 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 22,071,048,411 | 11,307,436,327 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | 726 | 528 |
| | | | | |

## C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm trước | Năm nay |
|---|---|---|---|---|
| *1* | ***Cơ cấu tài sản*** | | | |
| | Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | % | 71.03 | 71.87 |
| | Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | % | 28.97 | 28.13 |
| *2* | ***Cơ cấu nguồn vốn*** | | | |
| | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 81.45 | 82.14 |
| | Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn | % | 18.55 | 17.86 |
| *3* | ***Tỷ suất lợi nhuận*** | | | |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | % | 1.67 | 0.86 |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | % | 1.39 | 0.78 |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu | % | 9.02 | 4.79 |
| *4* | ***Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu*** | ***lần*** | ***4.53*** | ***4.73*** |
| *5* | ***Hệ số thanh toán nợ đến hạn*** | ***lần*** | ***0.69*** | ***0.69*** |
| | | | | |

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Phạm Thị Hải**

**GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

**Nguyễn Quế Thanh**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 770 /BC-TMD

*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

# BÁO CÁO
## Về việc: Chi trả tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

**1. Chi trả tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2017**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin năm 2017; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm: Mức tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2017 của Công ty được chi trả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chức danh | Số người | Tổng số | Trong đó: | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Lương | Thù lao | |
| 1 | Hội đồng Quản trị | 5 | 285,6 | | 285,6 | |
| 2 | Ban Kiểm soát | 3 | 379,9 | 279,1 | 100,8 | |
| 3 | Ban Giám đốc | 7 | 1.965,8 | 1.965,8 | | |
| | Tổng số | | 2.631,3 | 2.244,9 | 386,4 | |

**2. Đề xuất mức tiền lương đối với người quản lý và thù lao Hội đồng quản lý, ban Kiểm soát, Thư ký công ty năm 2018 như sau:**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2017 và hiện nay Công ty đang thực hiện đồng thời 02 nhiệm vụ chiến lược: Vừa sản xuất và khai thác than hầm lò, vừa khai thác than lộ thiên. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị áp dụng hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Quyết định số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty dự kiến như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chức danh | Số người | Tổng số (Trđ) | Trong đó: | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Lương | Thù lao | |
| 1 | Hội đồng Quản trị | 05 | 285,6 | | 285,6 | |
| - | *Chủ tịch HĐQT* | *01* | *64,8* | | *64,8* | |
| - | *Ủy viên HĐQT* | *04* | *220,8* | | *220,8* | |
| 2 | Ban Kiểm soát | 03 | 156,0 | | 156,0 | |
| - | *Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV.* | *01* | *55,2* | | *55,2* | |
| - | *UV Ban kiểm soát* | *02* | *100,8* | | *100,8* | |
| 3 | Ban Giám đốc | 07 | 1.976,8 | 1.976,8 | | |
| 4 | Thư ký Công ty | 1 | 50,4 | | 50,4 | |
| | **Tổng số** | | **2.468,8** | **1.976,8** | **492,0** | |

- **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;

- Hằng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

***Nơi nhận:***
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN - TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

**Phạm Công Hương**

CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG – VINACOMIN
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

*Mông Dương, ngày tháng 4 năm 2018*

# BÁO CÁO
## Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP than Mông Dương–Vinacomin

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát công ty được quy định tại điều 165 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, được quy định tại điều 36 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương – TKV đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 25/12/2007 sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 01/7/2011.

Căn cứ năng lực của Công ty TNHH PKF Việt Nam

Ban kiểm soát công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông quan và ủy quyền cho giám đốc Công ty cổ phần than Mông Dương chỉ định công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

**Tên công ty** : Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**Trụ sở chính**: Số 1 – Nguyễn Huy Tưởng – Phường Thanh Xuân Trung – Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội

ĐT: +84 24 6664 4488 FAX: +84 24 6664 2233

Email: pkf.hcm@pkf.com.vn

**Thực hiện nhiệm vụ** :

1. Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2018 của Công ty.
2. Kiểm toán theo yêu cầu khác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

**Nguyễn Thế Hanh**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**

Số: 772 /BC-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

# BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin thẩm định kết quả báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty như sau :

1. Xác nhận tính tuân thủ thực hiện kế hoạch trong hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty cổ phần Than Mông Dương và TKV năm 2017.

2. Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty.

3. Xác nhận tính trung thực, chính xác trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, tài chính và lập báo cáo tài chính năm 2017. Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn TKV, đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2017, Kết quả HĐKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã do Công ty kiểm toán độc lập " *Công ty TNHH PKF Việt Nam* " kiểm toán, số liệu trong báo cáo tài chính năm 2017 đã được Ban kiểm soát Công ty thẩm định xác nhận tính minh bạch, rõ ràng và độ tin cậy của báo cáo tài chính năm 2017 với các chỉ tiêu chủ yếu sau :

| NỘI DUNG | ĐVT | Năm 2017 |
|---|---|---|
| **A. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu.** | | |
| **I. Tổng tài sản (1+2)** | **Đồng** | **1.320.500.918.705** |
| **1. Tài sản ngắn hạn** | - | **371.461.747.289** |
| Trong đó : - Tiền | - | 3.495.525.272 |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 12.425.430.000 |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | - | 315.126.343.152 |

| | | |
|---|---|---|
| - Tồn kho và dở dang cuối kỳ | - | 29.290.197.152 |
| *+ Nguyên vật liệu tồn kho* | - | *11.145.417.565* |
| *+ Công cụ dụng cụ tồn kho* | - | *22.520.000* |
| *+ Thành phẩm tồn kho* | - | *3.237.828.748* |
| *+ Bán thành phẩm tồn kho* | - | *14.884.430.839* |
| *+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho* | | |
| - TS ngắn hạn khác | | 11.124.251.713 |
| **2. Tài sản dài hạn** | - | **949.039.171.416** |
| **II. Tổng nguồn vốn (1+2=3)** | Đồng | **1.320.500.918.702** |
| **1. Tổng nợ phải trả** | | **1.084.653.956.411** |
| *Trong đó:* | | |
| + Vay và nợ ngắn hạn | | 535.425.804.330 |
| + Vay và nợ dài hạn | | 549.228.152.081 |
| **2. Vốn chủ sở hữu** | | **229.341.044.114** |
| *Trong đó : - Vốn góp của chủ SH (Mã 411)* | *Đồng* | *214.183.460.000* |
| *- Vốn khác CSH (Mã 414)* | " | - |
| *- Quĩ ĐTPT (Mã 418)* | " | *3.850.147.787* |
| *- LN sau thuế chưa phân phối (Mã 421)* | " | *11.307.436.327* |
| **3. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | | **6.505.918.177** |
| **III. Kết quả SXKD** | | |
| 1. Tổng thu nhập (doanh thu) | Đồng | 1.445.500.380.200 |
| 2. Doanh thu thuần | Đồng | 1.444.346.612.605 |
| 3. Tổng chi phí hoạt động | Đồng | 1.426.194.703.538 |
| 4.Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 19.305.676.662 |

| | | |
|---|---|---|
| 5.Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 11.307.436.327 |
| 6.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp) | đ/CP | 528 |
| 7. Cổ phiếu | cp | |
| **B. Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp.** | - | |
| 1. Vòng quay vốn lưu động (DT thuần / Tài sản ngắn hạn) | vòng | 3,89 |
| 2. Khả năng thanh toán. | | |
| 2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả). | lần | 1,22 |
| 2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn). | lần | 0,69 |
| 2.3. Khả năng thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền /Nợ ngắn hạn). | lần | 0,01 |
| 3. Hệ số nợ ( Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu). | lần | 4,73 |
| 4. Hệ số nợ ( Nợ phải trả/ vốn điều lệ ). | lần | 5,06 |
| 5. Tỷ suất sinh lời. | | |
| 5.1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản(ROA). | % | 0,86 |
| 5.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / DT thuần. | % | 0,78 |
| 5.3. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn CSH. | % | 8,42 |
| 5.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn đầu tư của chủ sở hữu(ROE). | % | 4,93 |

**TM.BAN KIỂM SOÁT**

**Nguyễn Thế Hanh**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**

**Số: 771 /BC-KSV**
V/v: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của BKS Năm 2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

# BÁO CÁO
## THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2013-2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-TKV ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam V/v ban hành Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ kế hoạch số 01/KH-BKS, ngày05/01/2017 của Ban Kiểm soát Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin về việc kế hoạch kiểm soát năm 2017.

Ban Kiểm soát Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát tại Công ty Than Mông Dương-Vinacomin năm 2017 cụ thể như sau:

### I. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

*** Tình hình chung**

- ***Thuận lợi:*** Dưới sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ, sự kiên định sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, sự phối kết hợp chặt chẽ hiệu quả của các tổ chức Đoàn thể và phát huy tinh thần kỷ luật đồng tâm của người thợ mỏ. Công ty đã phát huy được tinh thần đoàn kết nội bộ và niềm tin của CBCNVC. Kết quả thực hiện năm 2017 cơ bản các chỉ tiêu tài chính sản xuất của công ty đảm bảo kế hoạch, tình hình tài chính công ty lành mạnh, ổn định.

- ***Khó khăn:*** Khu vực lộ thiên: Việc tổ chức sản xuất bị ảnh hưởng bởi các hộ dân cư lân cận đặc biệt trong công tác nổ mìn, các diện khai thác khu Cánh đông tới giai đoạn kết thúc, nhỏ lẻ, manh mún; khu vực Cánh Tây thuê thầu khai thác đã ký xong hợp đồng nhưng chưa triển khai được do còn vướng thủ tục giải phóng mặt bằng.

Khu vực hầm lò: Sản lượng than khai thác hầm lò 100% ở dưới mức -100 ÷ -250, các điều kiện kỹ thuật mỏ ngày càng khó khăn hơn; Tình trạng địa chất 1 số khu vực chuẩn bị khai thác và lò chợ đang khai thác gặp biến động lớn thường

xuyên gặp phải phay phá, vách sa, trụ nổi... phải thay đổi phương án khai thác, đào lò.

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

*Số liệu trong phụ lục số 01 kèm theo*

2. Tình hình tài chính năm 2017.

2.1. Báo cáo tài chính

2.1.1. Bảng cân đối kế toán:

*Số liệu trong phụ lục số 02*

2.1.2 Phân tích một số chỉ tiêu tài chính

*Số liệu trong phụ lục số 03 kèm theo*

**II. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát Công ty năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018.**

**1.** Về kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, của Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chủ tịch HĐQT Công ty, Giám đốc Công ty đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong năm 2017 HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo quy định.

Ban lãnh đạo điều hành thường xuyên tổ chức giao ban, họp thường kỳ để triển khai, rà soát tình hình thực hiện KHSXKD của Công ty theo tuần, tháng, quý.

Công ty đã thực hiện công việc quản lý, điều hành đơn vị đảm bảo tuân thủ điều lệ, các quy chế nội bộ của đơn vị và kỷ luật điều hành của TKV. Công ty chấp hành các quyết định, chỉ đạo của Tập đoàn là QĐ số 6035/QĐ- TKV ngày 18/12/2017 về điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2017.

Công ty thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với TKV theo quy định, kịp thời;

**2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:**

*a/ Việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp theo các nội dung sau:*

- Hiệu quả sử dụng vốn:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): 4,93% đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 4,40%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 0,86% đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 0,81%.

*b) Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp*

- Tình hình đầu tư Dự án: Báo cáo giám sát theo các nội dung sau:

*** Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của TKV.**

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2017 (điều chỉnh) được TKV thông qua tại văn bản số 5092/TKV-ĐT ngày 03/10/2017, Công ty thực hiện:

- Chuyển tiếp 03 dự án gồm: (i) Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương-Công ty than Mông Dương (Điều chỉnh); (ii) Dự án Xây dựng nhà ở công nhân; (iii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016;

- Khởi công mới mới 03 dự án gồm: (i) Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017; (iii) Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò.

- Chuẩn bị 02 dự án gồm:(i) Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017.

*** Tình hình thực hiện cụ thể các dự án như sau:**

1. Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh):

Dự án còn 02 hạng mục: Nhà ĐHSX công trường số 2; Hệ thống cấp nước trong lò (cấp nước cứu hoả). Trong quý IV/2017 Bộ tài nguyên và môi trường đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường điều chỉnh và phương án phục hồi cải tạo môi trường. Tháng 12 Công ty đã phát hành hồ sơ mời thầu của 02 hạng mục còn lại để lựa chọn nhà thầu dự kiến sẽ thi công hoàn thành trong năm 2018.

2. Dự án Xây dựng nhà ở công nhân:

Trong năm 2017 Công ty xây dựng hoàn thành lô nhà C2 và công trình phụ trợ ngoài nhà, đến tháng 6/2017 đã bố trí cho công nhân vào ở. Qua kết quả khảo sát thực tế nhu cầu về nhà ở của công nhân được Công ty thực hiện trong tháng 7/2017, nhu cầu về nhà ở giảm nhiều, với số lượng căn hộ còn trống hiện nay tại lô nhà C2 là đáp ứng đủ cho công nhân không cần xây thêm lô nhà C1, C3. Căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu nhà ở ngày 31/8/2017 Công ty đã có báo cáo Tập xin chủ trương điều chỉnh dự án và được TKV đồng ý chủ trương điều chỉnh tại văn bản số 05/TKV-ĐT ngày 02/01/2018.

3. Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2016:

Trong năm 2017 Công ty thực hiện thanh toán một số thiết bị đã thực hiện trong năm 2016 đồng thời điều chỉnh dự án phục vụ quyết toán dự án hoàn thành. Quí IV năm 2017 Công ty đã phát hành hồ sơ lựa chọn nhà thầu thực hiện kiểm toán dự án.

4. Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương:

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 4324/TKV-ĐT ngày 12/9/2017, trong quý IV/2017 Công ty đã hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-TMD ngày 03/10/2017 đồng thời tổ chức đấu thầu lựa chọn được

nhà thầu 05 gói thầu: Cung cấp máy phát điện dự phòng; Cung cấp khởi động mềm phòng nổ; Quản lý dự án; Giám sát thi công; Lập thiết kế bản vẽ thi công dự toán...

5.Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017:

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 3444/TKV-ĐT ngày 21/7/2017, Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1543/QĐ-TMD ngày 27/7/2017 với tổng mức đầu tư là 66.955 Tr.đồng. Quý IV/2017 công ty đã thực hiện xong các gói thầu mua thiết bị để đưa vào phục vụ cho sản xuất bao gồm: Khoan AA-1; Giá chống phân thể ZH/1600; Băng tải B 650; Thùng cũi; Goòng 3 tấn. Giá trị thực hiện dự án đạt 40.313 triệu đồng.

6. Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương:

Trong năm 2017 đơn vị tư vấn đã thực hiện lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án, Hiện nay Công ty đang thẩm định để hoàn thiện sau đó sẽ phê duyệt để thực hiện.

7. BCKTKT đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò

Năm 2017 Công ty đã thực hiên lập xong hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hiện tại hồ sơ đang được công ty thẩm định để trình duyệt và sẽ thực hiện đầu tư trong quý I/2018..

8. Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2018.

Trong tháng 12/2017 Công ty đã lựa chọn được nhà thầu lập dự án dự kiến sẽ trình Tập đoàn trong tháng 01/2018.

Tổng giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2017 đạt **87.541/111.112** Triệu đồng. Kết quả thực hiện đầu tư kế hoạch đầu tư và xây dựng cụ thể như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Kế hoạch ĐT&XD 2017 điều chỉnh | Thực hiện năm 2017 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | **TỔNG SỐ** | **111.112** | **87.541** | |
| A | Cơ cấu vốn đầu tư | 111.112 | 87.541 | |
| I | Trả nợ nguồn năm trước | - | - | |
| II | Kế hoạch năm 2017 | 111.112 | 87.541 | |
| 1 | Xây lắp | 5.683 | 5.395 | |
| 2 | Thiết bị | 96.443 | 75.374 | |
| 3 | QL, TV, GPMB, khác | 8.986 | 6.772 | |
| B | Nguồn vốn đầu tư | 111.112 | 87.541 | |
| I | Trả nợ nguồn năm trước | - | - | |
| II | Kế hoạch năm 2017 | 111.112 | 87.541 | |
| 1 | Vay TM trong nước | 94.190 | 74.410 | |
| 2 | Khấu hao TSCĐ | 16.922 | 13.131 | |

*** Công tác bảo vệ môi trường thường xuyên:**

Công tác môi trường thường xuyên bao gồm các công việc như: Quan trắc môi trường định kỳ; thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế; thu gom rác thải sinh

hoạt; chất thải thông thường. Nước thải hầm lò được bơm về trạm xử lý tại 02 khu vực Trung tâm và Đông Bắc xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Giá trị thực hiện năm 2017 đạt 18.682. triệu đồng/ 20.050 triệu đồng.

*** Công tác bảo vệ môi trường tập trung:**

Công tác môi trường tập trung Công ty thực hiện hoàn thành dự án cải tạo suối +9,8 và đã báo cáo Tập đoàn kết quả thực hiện trong tháng 12/2017. Giá trị thực hiện năm 2017 đạt 1.378 triệu đồng/ 1.931 triệu đồng.

*** Công tác sửa chữa lớn TSCĐ, trích KH và thanh lý TSCĐ**:

- Công tác SCL TSCĐ: Năm 2017 Công ty đã thực hiện sửa chữa lớn thiết bị là 27.070,7 triệu đồng/31.205 triệu đồng đạt 86,8% KH năm (Theo Công văn số 6035/TKV-KH ngày 18/12/2017 là 31.205triệu đồng).

- Tình hình trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Thông tư 45/TT/2013-BTC ngày 25/4/2013.

- Tình hình thanh lý theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn: Trong năm 2017 Công ty có nhượng bán tài sản, thanh lý tài sản tổng giá trị là: 15.718 triệu đồng.

*** Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:**

Đến 31/12/2017 Công ty đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp 21,799 tỷ đồng vào Công ty CP nhiệt điện Cẩm phả. Đến nay khoản đầu tư này còn chưa hiệu quả. Để tránh rủi ro công ty đã trích dự phòng tổn thất tài sản như sau.

"Dự phòng tổn thất tài sản" TK 229.

| | | |
|---|---|---|
| Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2017) | 12.731.858.970 | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ: | 9.373.570.000 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ: | 6.015.281.000 | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2017) | 9.373.570.000 | Đồng |

Số tiền trên là khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả. Công ty đã mở sổ chi tiết theo dõi và hạch toán theo chế độ qui định.

Theo quy định của TKV Công ty phải tổ chức thoái số vốn đã đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả. Đến thời điểm hiện tại Công ty đã tiến hành niêm yết, giao bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả trên sàn giao dịch chứng khoán nhưng chưa có nhà đầu tư nào mua cổ phiếu.

* Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty báo cáo giám sát theo các nội dung sau:

Đến thời điểm 31/12/2017 Công ty có số dư vay như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Số dư Có đầu kỳ (01/01/2017) | 773.402.794.683 | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ: | 467.953.686.820 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ: | 522.699.322.345 | Đồng |
| Số dư Có cuối kỳ (31/12/2017) | 828.148.430.208 | Đồng |

Số dư tại thời điểm 31/12/2017: 828.148,4 triệu đồng.

Trong đó - Vay ngắn hạn: 148.456,1 triệu đồng; Vay dài hạn: 679.692,3 triệu đồng.

Hợp đồng vay vốn, khế ước vay và hồ sơ, lãi suất vay vốn Công ty thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước và của TKV.

Công ty thực hiện việc trả gốc vay trung dài hạn, lãi vay đúng kỳ hạn và theo quy định, không có nợ quá hạn trả.

+ Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ việc sử dụng vốn đã huy động. Công ty đã sử dụng đúng mục đích vay để phục vụ SXKD.

- Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả báo cáo giám sát theo các nội dung sau:

+ Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo Quy chế.

Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ số 2437/QĐ-TMD ngày 20/11/2014.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo.

Tổng số nợ phải thu: 335.286,6 triệu đồng. Trong đó phải thu ngắn hạn là 315.126,34 triệu đồng, phải thu dài hạn 20.160,7 triệu đồng. Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

Đến thời điểm 31/12/2017 số nợ phải thu của Công ty tuyển than Cửa Ông là 250.866,2 triệu đồng (KHĐM 88.000 triệu đồng), Công ty Kho vận và cảng Cẩm phả 8.503,4 triệu đồng (KHĐM 16.000 triệu đồng).

Trong năm 2017 Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ viết hóa đơn bán hàng kịp thời, đối chiếu công nợ hàng tháng. Đối với khoản phải thu tiền bán than: Công ty cần phối hợp cùng Công ty Tuyển than Cửa Ông, Công ty Kho vận đối chiếu, thanh toán theo định kỳ theo kế hoạch định mức của TKV để giảm số dư công nợ phải thu, đồng thời giảm số dư nợ công nợ phải trả. Đối với các khoản phải thu ngoài sản phẩm than Công ty sớm có biện pháp đôn đốc các phòng chức năng có trách nhiệm thu hồi công nợ sớm nhất để ổn định dòng tiền phục vụ cho SXKD.

Riêng khoản công nợ khu đất tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác than của Công ty CP than Mông Dương với UBND thành phố Cẩm Phả, Công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ đầy đủ và đang làm các thủ tục để thanh, quyết toán.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo

Tổng số nợ phải trả: 1.084.653,9 triệu đồng, trong đó: Nợ ngắn hạn 535.425,8 triệu đồng, nợ dài hạn 549.228,2 triệu đồng.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn , tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn.

Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay .

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: Tại thời điểm 31/12/2017 hệ số này là 0,69 lần lớn hơn 0,18 lần so với định mức được tập đoàn giao theo CV số 1659/TKV – KTTC ngày 13/4/2017 (quy định 0,51 lần).

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: tại thời điểm 31/12/2017 hệ số này là 4,73 lần thấp hơn 0,99 lần theo quy định của Tập đoàn tại CV số 1659/TKV – KTTC ngày 13/4/2017 (quy định 5,72 lần).

*c) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính*: báo cáo theo các nội dung sau:

- Về các chỉ tiêu tài chính: Doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm trong kỳ, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, thu nhập và chi phí khác, kết quả kinh doanh đã có số liệu trong biểu phụ luc số 1 kèm theo, nguyên nhân ảnh hưởng đã phân tích ở mục 1 phần I bên trên.

*d) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2017*: Công ty đã nộp Ngân sách Nhà nước 463.065,4triệu đồng. Cụ thể như sau:

| Các khoản phải nộp | Số dư đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp | Số dư cuối kỳ |
|---|---|---|---|---|
| **I. Thuế** | **30.054,8** | **309.456,8** | **332.027,7** | **7.483,9** |
| *1. Thuế GTGT* | *5.375,9* | *144.309* | *147.956,5* | *1.849,4* |
| *2. Thuế TNDN* | *4.924,0* | *7.998,2* | *7.242,8* | *5.679,4* |
| *3. Thuế thu nhập cá nhân* | *-1.312,3* | *2.611,8* | *2.159.8* | *-860,3* |
| *4. Thuế tài nguyên* | *21.064,8* | *149.136,9* | *169.388,9* | *812,8* |
| *5. Thuế nhà đất và tiền thuê đất* | | *5.247,6* | *5.247,6* | - |
| *6. Thuế bảo về môi trường* | *2,4* | *23,3* | *23,1* | *2,6* |
| *7. Thuế khác* | | *9,0* | *9,0* | - |
| **II. Các khoản phí và lệ phí** | **1.491,8** | **129.362,9** | **131.037,8** | **-183** |
| *1. Tiền cấp quyền khai thác* | | *116.682,5* | *116.682,5* | - |
| *2. Phí sử dụng tài liệu địa chất* | | | | - |
| *3. Phí môi trường* | *1.491,8* | *12.680,4* | *14.355,2* | *-183* |
| **Tổng cộng** | **31.546,7** | **438.819,7** | **463.065,4** | **7.301,0** |

e) *Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ*. Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo quy định.

f) *Tình hình quản lý, sử dụng vốn tài sản liên quan đến quản lý tài nguyên, khoáng sản:*

Trong năm 2017: Công ty đã triển khai lập các phương án kỹ thuật, thi công theo kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017 có sử dụng các nguồn vốn thăm dò, khảo sát đã được TKV phê duyệt tại quyết định số 605/QĐ-TKV ngày 31/3/2017 của Hội đồng thành viên TKV về việc phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017 Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam; Trong đó:

+ TDKT năm 2017: Khối lượng kế hoạch là 7.290 m tương ứng với 28.130 triệu đồng.

- Khối lượng đã thi công: 5.617,6m/10 LK, tương ứng giá trị là 22.371.675.137 đồng.

- Phương án khoan thăm dò trong lò năm 2017 phục vụ khai thác Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin: Đã có Quyết định phê duyệt ( chưa thi công) và Công ty đã báo cáo TKV chuyển khối lượng giá trị sang thực hiện trong năm 2018.

+ TDBS mỏ Mông Dương được phê duyệt tại quyết định số 1348/QĐ-TKV ngày 08/7/2015 V/v Phê duyệt Đề án TDBS khu trung tâm mỏ than Mông Dương, Cẩm Phả, Quảng Ninh. Khối lượng: 15.400m; Dự toán: 72.529.381.608 đồng.

- Năm 2017 theo Quyết định số: 640/QĐ-TKV ngày 11/4/2017 của Hội đồng thành viên TKV V/v Phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017- Chi phí tập trung TKV. Khối lượng thăm dò và Lập Đề án được phê duyệt là 1.055m; Tương ứng giá trị là: 6.119.000.000 đồng. Trong đó:

- Khối lượng mét khoan năm 2016 chuyển sang năm 2017 là: 1.055m

- Khối lượng mét khoan thực hiện được: 1.032,2m tương ứng giá trị là: 6.876.489.643 đồng.

+ TDBS mỏ Đông Bắc Mông Dương được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò tại quyết định số 2053/QĐ-BTNMT ngày 13/8/2015 cho TKV với Khối lượng: 32.792m/110LK; Trong đó: Khối lượng chưa thi công là: 15.010m/56LK. Theo đó, TKV phê duyệt quyết định số: 2645/QĐ-TKV ngày 22/12/2015 về việc: Phê duyệt Tổng dự toán Đề án thăm dò mỏ than Đông Bắc Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cho Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin làm chủ đầu tư với khối lượng 32.772,9 m khoan; tương ứng với giá trị: 114.778.089.623 đồng (Khối lượng chưa thi công là: 15.010m/56LK).

- Năm 2017 kế hoạch thăm dò bổ sung khu ĐBMD được phê duyệt tại Quyết định số: 640/QĐ-TKV ngày 11/4/2017 của Hội đồng thành viên TKV V/v Phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017- Chi phí tập trung TKV. Khối lượng thăm dò và Lập Đề án được phê duyệt là 13.205m; tương ứng giá trị là: 63.384.000.000 đồng. Trong đó:

- Khối lượng thực năm 2016 chuyển sang năm 2017 là: 2.951,6 m tương ứng với giát rị: 10.583.153.291 đồng.

- Khối lượng thực hiện năm 2017 là: 3.705,5m; tương ứng giá trị là: 10.798.523.179 đồng.

+ Khảo sát địa chất năm 2017: Lập bản đồ cơ lý đá khu vực lộ thiên năm 2017 với diện tích 35 ha; tương ứng giá trị 700 triệu đồng. Công ty đã ra Quyết định

phê duyệt (do diện sản xuất chưa có nên chưa thực hiện được và Công ty đã báo cáo TKV chuyển khối lượng, giá trị sang thực hiện trong năm 2018).

Trong đó lập bản đồ cơ lý đá khu vực lộ thiên khu Cánh Tây với 25 ha tương ứng 500 triệu đồng chuyển từ năm 2016 sang.

+ Đo vẽ bản đồ địa chất, địa chất thủy văn tỷ lệ 1/5000 khu Đông Bắc Mông Dương đã hoàn thiện xong và được TKV phê duyệt báo cáo tướng ứng với giá trị: 539.757.182 đồng.

+ Phương án Quan trắc, đánh giá điều kiện địa chất thủy văn mỏ ảnh hưởng đến khai thác than hầm lò mỏ than Mông Dương - Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin: Đã thực hiện xong và được Tập đoàn phê duyệt báo cáo tương ứng với giá trị: 1.868.316.120 đồng.

+ Lập báo cáo TDBS mỏ Mông Dương (Khu Trung Tâm Mông Dương) đã hoàn thiện báo cáo tương ứng với giá trị đợt 1: 1.863.788.267 đồng.

+ Khảo sát trắc địa năm 2017:

- Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000 khu Trung tâm Mông Dương với diện tích 180ha; Quan trắc dịch động địa hình khu vực lò chợ vỉa H(10), G(9), II(11) Cánh Đông 04 tuyến; Quan trắc dịch động địa hình khu vực cửa lò, trạm quạt +15, +30 và mặt bằng sân công nghiệp +10 BMD với khối lượng 06 tuyến đã thực hiện xong và được TKV phê duyệt báo cáo tương ứng với giá trị:1.546.650.138 đồng.

*** Về tình hình hoạt động khoáng sản:**

+ Tuân thủ các quy định của Luật khoáng sản. Trong đó:

- Giấy phép khai thác số 2683/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 đã được Bộ Tài Nguyên gia hạn.

**3. Về công tác quản lý lao động, thu nhập, tiền lương của CNVC.**

*** Quản lý lao động.**

| | | |
|---|---|---|
| - Lao động có mặt tại 01/01/2017 | 3.722 | Người |
| - Lao động tăng trong kỳ | 183 | Người |
| *Trong đó: Học sinh ra trường 105 người; Tuyển mới 35 người; Tiếp nhận từ các đơn vị trong TKV 27 người; tiếp nhận lại 16 người.* | | |
| - Lao động giảm trong kỳ: | 473 | Người |
| *Trong đó: Nghỉ hưu:62 người, Sa thải, đơn phương chấm dứt HĐLĐ 268 người, chấm dứt HĐLĐ 111 người;ốm chết, TNRR 03 người; TNLĐ 02 người, Đi đơn vị ngoài 01 người, đi làm nghĩa vụ quân sự 04 người, trường hợp khác 22 người.* | | |
| - Lao động có mặt tại 31/12/2017 | 3.432 | Người |
| *Trong đó: + Lao động hợp đồng KXĐTH* | *2.946* | *Người* |
| *+ Lao đồng hợp đồng từ 1- 3 năm* | *486* | *Người* |
| - Lao động bình quân theo định mức năm 2017. | 3.486 | Người |

*** Quản lý tiền lương và thu nhập.**

| | | |
|---|---|---|
| - Tổng quỹ tiền lương trong kỳ | 418.664 | Tr.đồng |

| | | |
|---|---|---|
| - Quỹ tiền lương trích theo đơn giá | 418.664 | Tr.đồng |
| - Quỹ lương hạch toán vào giá thành | 418.664 | Tr.đồng |
| *Trong đó: + Quỹ tiền lương sản xuất than* | *416.458* | *Tr.đồng* |
| *+ Quỹ lương VCQL* | *2.206* | *Tr.đồng* |
| *+ Quỹ tiền lương sản xuất khác* | | *Tr.đồng* |

- Quỹ lương dự phòng năm 2016 chuyển sang năm 2017 là 26.974 triệu đồng. Trong năm 2017 Công ty đã sử dụng hết để chi các khoản lương, khuyến khích.

- Dư quỹ lương thời điểm 31/12/2017 là: 52.103.122.701 đồng. Đây là khoản chưa chi trả tiền lương tháng 12/2017 và các khoản tiền tết ...

*- Thu nhập Công ty năm 2017:*

+ Quỹ lương kế hoạch theo công văn số 6026/TKV-KH ngày 22/12/2016 là: 2.243 triệu đồng, bình quân 23,36 triệu đồng/người/tháng.

+ Thu nhập thực tế năm đến hết 31/12/2017 của VCQL Công ty đang tạm tính là 1.940 triệu đồng, bình quân là 20.200.000 đồng/người/tháng, bằng 86,2% thu nhập bình quân kế hoạch (đã bao gồm các khoản phụ cấp...). Số còn lại 304 triệu Công ty sẽ quyết toán nốt trong năm 2018.

- Thu nhập bình quân năm 2017 toàn Công ty là 10.008.000 đồng/người/tháng, bằng 92,7% thu nhập KH năm 2017.

- Công tác quản lý lao động năm 2017: số công nhân chấm dứt hợp đồng lao động cao hơn so với số được tuyển dụng (tổng số CN đơn phương chấm dứt hợp đồng LĐ là 267 người, số xin chấm dứt hợp đồng, thôi việc 111 người tổng số giảm trong kỳ là 473 người, chiếm 9,8% so với lao động đầu năm); lao động tăng trong kỳ là 183 người bằng 4,05% lao động đầu kỳ.

**4. Công tác sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị phòng ban để đáp ứng yêu cầu SXKD trong năm 2017:**

**4.1. Tổ chức sản xuất:**

*a. Cơ cấu tổ chức:*

1.1. Tổng số lao động: 3.432 người.

1.2. Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên, trong đó 03 thành viên tham gia ban quản lý điều hành, 01 thành viên người nước ngoài và 01 thành viên là người của TKV cử làm đại diện, giữ chức Chủ tịch.

1.3. Ban kiểm soát: Gồm 03 người, trong đó 01 người do TKV cử giữ chức Trưởng ban.

1.4. Ban lãnh đạo điều hành Công ty, gồm 07 người: 01 Giám đốc, 05 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

1.5. Phòng ban tham mưu: gồm 15 phòng và 01 trạm Y tế.

1.6. Các phân xưởng: gồm 25 phân xưởng (05 Phân xưởng Đào lò, 09 Phân xưởng Khai thác hầm lò, 01 Phân xưởng Khai thác Lộ thiên, 10 phân xưởng phục vụ phụ trợ).

*b. Công tác sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị phòng ban để đáp ứng yêu cầu SXKD trong năm 2017:*

Thực hiện Chỉ thị số 102/CTLT/TGĐ-CĐTKV, ngày 25/5/2017 giữa Tổng Giám đốc với Công đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam về việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu lực lượng lao động năm 2017. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2016, trong năm 2017 Công ty triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất từ các phòng ban, phân xưởng, tổ đội SX như:

(i) Giải thể Đội thống kê và cơ cấu lại tổ chức SX của Phòng KT, Phòng KCS và CT LT.

(ii) Giải tán Ban quản lý nhà ở công nhân trực thuộc phòng ĐTMT và điều chuyển nhiệm vụ quản lý khu nhà ở về VP quản lý (tiết giảm 01 Phó Ban và 01 Nhân viên).

(iii) Cơ cấu lại tổ chức P ĐTM, điều chuyển nhiệm vụ đền bù, giải phóng mặt bằng về phòng TĐ theo đúng Mô hình mẫu của Tập đoàn (tiết giảm 02 Nhân viên).

(iv) Cơ cấu lại tổ chức phòng TĐ (tiết giảm 01 Phó phòng phụ trách Trắc địa)

(v) Cơ cấu lại tổ chức phòng KCS và phòng Vật tư bố trí lại lao động phù hợp giảm lao động quản lý (Phòng KCS bố trí lại công việc 05 nhân viên làm công nhân giao nhận than; Phòng VT bố trí lại công việc 05 nhân viên, 01 Đội phó làm công nhân tiếp liệu).

(vi) Cơ cấu lại tổ chức SX của PX CBT từ mô hình 05 Phó Quản đốc giảm xuống còn 04 Phó quản đốc.

(vii) Giải tán PX Xây dựng mặt bằng, cơ cấu lại tổ chức SX của PX PVSX, PX CK, PX NL (tiết giảm 01 Quản đốc).

Cùng với việc cơ cấu lại tổ chức của các phòng, PX, phòng TCLĐ cũng chủ trì sửa đổi bổ sung các chức năng nhiệm vụ của các phòng, phân xưởng phù hợp với mô hình mới.

Đến hết năm 2017 cơ cấu tổ chức của Công ty đã sắp xếp đúng theo mô hình mẫu của Tập đoàn (15 phòng, 25 PX và 01 Trạm Y tế). Các phòng ban, PX đã được sắp xếp khoa học và tối ưu hơn trước, nhiệm vụ được phân định rõ ràng không bị chồng chéo giúp các phòng chủ động và phát huy được năng lực quản lý điều hành.

- Xây dựng Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đang trình TKV phê duyệt.

**4.2. Công tác cán bộ:**

Thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ của Tập đoàn ban hành kèm theo QĐ số 1936/QĐ-TKV, ngày 03/9/2014 và Quy chế quản lý cán bộ của Công ty số 1091/QĐ-TMD, ngày 04/6/2014 và các quy định của Pháp luật.

***a. Điều động, bổ nhiệm:***

| TT | Chức danh | Bổ nhiệm | Bổ nhiệm lại | Điều động, Luân chuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng** | **13** | **8** | **10** | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 0 | 0 | |
| 2 | Giám đốc | 1 | 0 | 0 | |
| 3 | Phó Giám đốc | 0 | 3 | 0 | |
| 4 | Trưởng phòng, Quản đốc | 2 | 0 | 2 | |
| 5 | Phó phòng, Phó quản đốc | 9 | 5 | 8 | |

***b. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ:***

Trên cơ sở quy hoạch cán bộ được duyệt và yêu cầu trình độ đối với cán bộ đương nhiệm, Công ty đã lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ tại chỗ bằng các hình thức: cử đi đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị: Giám đốc dự bị doanh nghiệp, đào tạo trình độ lý luận chính trị, Các lớp huấn luyện công tác an toàn VSLĐ theo từng đối tượng, bồi dưỡng nghiệp vụ Đầu tư xây dựng, Lớp bồi dưỡng kiến thức Thanh tra, Kiểm toán nội bộ, Đấu thầu, Quản trị rủi ro trong kinh doanh … Cán bộ của Cơ quan của Công ty luôn tham gia đầy đủ và tiếp thu kiến thức tốt áp dụng hiệu quả vào công việc. Mặt khác, tổ chức điều động, luân chuyển một số cán bộ diện quy hoạch để cán bộ có điều kiện nắm bắt được một cách toàn diện công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

***c. Việc thực hiện đánh giá nhận xét cán bộ:***

- *Đánh gía định kỳ:* Hàng năm Công ty tổ chức đánh giá nhận xét cán bộ theo hướng dẫn của Tập đoàn vào dịp cuối năm với tổng số 100% được đánh giá nhận xét.

- *Đánh giá thường xuyên:* Hàng tuần, tháng, trên cơ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị, phòng ban và từng cán bộ, Công ty chấm điểm đánh giá tập thể các đơn vị, CBCNV theo quy định đánh giá hoàn thành nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-TMD, ngày 01/9/2017.

**5. Công tác đào tạo nhân lực.**

Trong năm 2017 cũng như các năm tiếp theo. Để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh đòi hỏi Công ty phải có một đội ngũ lao động lành nghề. Do đó công tác chuẩn bị nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ lao động được Công ty hết sức quan tâm.

- Tuyển học sinh khai thác hầm lò, cơ điện lò gửi đi đào tạo theo Quy chế 2441 của TKV: Công ty đã áp dụng nhiều hình thức như thông qua CBCNV trong

Công ty, thường xuyên phối hợp với trường Cao đẳng nghề Than – Khoáng sản để tuyển sinh nhưng chưa đạt được yêu cầu kế hoạch đề ra (Năm 2017 tuyển được 165/250 HS).

- Huấn luyện AT theo nghị định 44 của Chính phủ: Thực hiện Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động trong năm 2017 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản, Trung tâm huấn luyện ATLĐ tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm Kiểm định AT 1 huấn luyện cho 947 lao động (674 lao động nhóm 3; 255 lao động nhóm 6 và 18 lao động nhóm 5) đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đánh giá kỹ năng nghề: Thực hiện Điều 31 và Điều 35 Luật việc làm; Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2017 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản tổ chức đánh giá kỹ năng nghề cho 553 công nhân nghề khai thác, đào lò và Cơ điện mỏ hầm lò.

- Trong năm 2017 tổ chức huấn luyện chuyển giao công nghệ mới cho 562 CBCNV, bồi dưỡng cán bộ CHSX 99 người; huấn luyện kiêm nghề, thêm nghề cho 116 người và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 299 người; huấn luyện công nhân mới tuyển 181 người.

- Tổ chức tham gia các Hội thi của Tập đoàn: Chủ trì tổ chức hội thi thợ giỏi cấp Tập đoàn đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, TGM tổ chức thi cấp cứu mỏ bán chuyên đạt giải nhất toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, Công đoàn Công ty tổ chức thi ATVSV đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn.

**6. Thực hiện các chế độ khác đối với người lao động.**

- Công ty duy trì tốt chế độ ăn định lượng, ăn giữa ca, bồi dưỡng giữa ca cho CBCNV theo quy định của Tập đoàn, của nhà nước và tổ chức phục vụ theo hình thức ăn tự chọn đảm bảo đủ chất, lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Duy trì phục vụ tắm nước nóng, giặt sấy quần áo, ủng BHLĐ cho lao động làm việc dưới hầm lò.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động văn hóa văn nghệ khác.

- Khám chữa bệnh tại cơ sở: Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh, cấp phát thuốc và điều trị nội trú, ngoại trú cho CBCNV trong Công ty theo đúng luật BHYT quy định.

- Thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ đối với người lao động như: nghỉ hưu, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, tham quan nghỉ mát....

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức gặp mặt người lao động. Các ý kiến kiến nghị của người lao động điều được triển khai thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo người lao động bằng văn bản.

**7. Công tác quản lý định mức lao động và an toàn BHLĐ.**

**+ Công tác an toàn chung:**

- Đã tổ chức và triển khai đồng bộ kế hoạch PCMB, AT-VSLĐ, TTSC theo quy định.

- Đã tổ chức tổng kết kiểm điểm sơ kết ATVSLĐ năm 2017 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

- Đầu tư, trang bị lắp đặt dây truyền rửa mũi cho lao động hầm lò (Đang triển khai dự kiến Quý I năm 2018 hoàn thiện).

- Sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy trình, quy định các công việc mỏ để cho phù hợp với Luật an toàn và điều kiện thực tế của Công ty.

Đã tổ chức cho đội CCM BC Công ty tập luyện và tham gia Hội thao CCM Cấp TKV năm 2017 theo phương án số 101/PA-TTCCM.

- Đã kiểm tra chấm điểm về thực hiện công tác AT VSLĐ tại Công ty than Hòn Gai & than Núi Béo theo QĐ số 231 của TKV (trong tháng 10-2017). Lập và tổ chức kiểm tra chấm điểm về thực hiện công tác AT VSLĐ tại các phân xưởng trong Công ty (Trong tháng 12-2017).

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hiện trường sản xuất nhằm phát hiện và triệt tiêu sớm các nguy cơ, tồn tại đảm bảo an toàn trong sản xuất (đặc biệt chú trọng đến các CT.KT, ĐL, các nguy cơ về khí, bục nước, trục tải lò nghiêng).

**+ Tình hình tai nạn lao động năm 2017:**

| Tổng số | Số vụ TNLĐ | | | Kết quả giải quyết các vụ TNLĐ |
|---|---|---|---|---|
| | Nhẹ | Nặng | Chết | |
| 38 | 8 | 28 | 02 | - Đối với các vụ TNLĐ nặng nhẹ theo thẩm quyền cấp cơ sở: Công ty đã điều tra, kết luận theo đúng quy định;<br>- Đối với vụ TNLĐ chết người KT4; ĐL2: Công ty đã phối hợp với Đoàn điều tra TNLĐ tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn CN Than KS Việt Nam tổ chức điều tra, kết luận điều tra đúng quy định. |

Sự cố lớn: Không để xảy ra.

**+ Kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ:**

Năm 2017, Công ty đã thực hiện 188/211 mục việc, với tổng giá trị là: 31, 8/30,6 tỷ đồng bằng 103,9% KH, trong đó: Nội dung - Chăm sóc sức khoẻ người lao động; thực hiện 11/11 mục việc, giá trị là 14.613,5/5.653 tỷ, đạt 258,8% KH năm; điều này cho thấy Công ty rất quan tâm, chăm lo đời sống sức khỏe CBCN.

**8. Quản lý vật tư:**

**** Quản lý hàng tồn kho:***

| | | |
|---|---|---|
| Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2017) | 11.547,8 | triệu đồng |
| Số nhập trong kỳ: | 291.632,2 | triệu đồng |
| Số xuất trong kỳ: | 292.392 | triệu đồng |

| | | |
|---|---|---|
| *Trong đó: xuất cho sản xuất* | *244.849* | *triệu đồng* |
| Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2017) | 10.787,8 | triệu đồng |

Giá trị vật tư, phụ tùng tồn kho cuối kỳ 31/12/2017 của đơn vị là: 10.787,8 triệu đồng tương ứng 3,68% thấp hơn tỷ lệ tồn kho của TKV quy định (6%). Các thủ tục nhập, xuất vật tư Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

**** Công tác mua bán, quản lý, sử dụng vật tư.***

Công ty đã ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư *(Quyết định số 2418/QĐ-TMD ngày 15/11/2017 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý vật tư).*

Việc mua sắm vật tư hàng hóa đối với các loại vật tư trong ngành, Công ty thực hiện đúng văn bản số 1919/TKV-VTM-CV+KH ngày 26/4/2017 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Từ đầu tháng 01/2017 đến nay việc mua sắm vật tư vật tư của Công ty thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Tập đoàn số 6161/TKV-VTM ngày 16/12/2015 và Quy chế quản lý vật tư của Tập đoàn TKV ban hành theo Quyết định số 1010/QĐ-TKV ngày 10/6/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn TKV và Nội dung sửa đổi bổ sung một số nội dung của quy chế vật tư số 1372/QĐ-TMD ban hành theo quyết định số 118/QĐ-TMD ngày 22/01/2016 của Hội đồng quản trị Công ty và Quy định chi tiết thực hiện công tác mua sắm vật tư ban hành theo - Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty ban hành theo Quyết định số 2418/QĐ-TMD ngày 15/11/2017 của Hội đồng quản trị Công ty (quyết định này thay thế cho Quyết định số 1372/QĐ-TMD ngày 06/7/2015 và Quyết định số 176/QĐ-TMD ngày 29/01/2016) của Giám đốc Công ty.

**9. Công tác thuê ngoài:**

- Công tác thuê thầu khai thác khu vực Cánh Tây: Khu vực giao thầu Cánh Tây: Hoàn thiện các thủ tục GPMB và thuê đất tới thời điểm 31/12/2017 Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin đã được UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 3835/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017 cho Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin thuê đất khai thác khu vực lộ vỉa Cánh Tây và đã bàn giao mặt bằng cho bên B để thi công. Đến hết tháng 12/2017 Công ty TNHH MTV 86 thi công xúc bốc được 164.354 $m^3$ đất. Than nguyên khai được 532 tấn (Năm 2018 triển khai thi công tiếp theo KH và hợp đồng ký kết).

- Thuê đào lò năm 2017: Công ty đã ký kết hợp với Công ty xây dựng hầm lò 1 - Vinacomin. Đến hết tháng 12 Công ty xây dựng hầm lò 1 - Vinacomin đang triển khai thi công đào dự kiến được: 20 mét (Năm 2018 triển khai thi công tiếp theo KH và hợp đồng ký kết).

**10. Các nhận xét và Kiến nghị:**

**Kiến nghị:**

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD không đạt theo tỷ lệ % kế hoạch giao (91,2% KH điều chỉnh). Công ty cần xem xét tổ chức sản xuất để điều hành hoàn thành kế hoạch phối hợp SXKD với TKV những năm tiếp theo.

2. Công ty cần lưu ý tổ chức triển khai thực hiện công tác sửa chữa lớn các năm sau; tăng cường công tác ĐT XDCB đặc biệt hoàn thiện các hạng mục của dự án GĐII để quyết toán dự án.

3. Công ty cần triển khai thực hiện kịp thời công tác thuê thầu khai thác khu vực Cánh Tây, thuê đào lò tiếp theo năm 2018.

**Kết luận:**

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã phản ánh đúng kết quả SXKD của Công ty.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát Công ty tình hình tài chính của Công ty là: An toàn nhưng còn có dấu hiệu phải lưu ý.

Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp: Xếp loại B.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo ĐHĐCĐ.

***Nơi nhận:***
- Ban KS TKV;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các phòng cty;
- Lưu VT, BKS.

**T/M BAN KIỂM SOÁT**

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN * TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

**Nguyễn Thế Hanh**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN NVIỆNAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**

Số: 773/TTr-MDC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

# TỜ TRÌNH
## Về việc: Sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động và Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

*Căn cứ:*

(i) Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

(ii) Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

(iii) Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NQĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

(iv) Công văn số 1303/TKV-TCNS ngày 22/03/2018 của Tập đoàn về việc: Ban hành điều lệ mẫu Công ty cổ phần áp dụng cho các Công ty con trong TKV;

(v) Căn cứ Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua vào ngày 26 tháng 04 năm 2017 và điều kiện SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động và Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

**1. Về cơ cấu:**

1.1. Cơ cấu Điều lệ: Điều lệ dự thảo sửa đổi gồm 13 chương và 59 điều, so với điều lệ cũ được HĐCĐ thông qua ngày 25/4/2017 gồm 13 chương và 55 điều;

1.2. Ban hành mới Cơ cấu Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty: Gồm 12 chương và 52 điều.

**2. Về nội dung:**

Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty tuân thủ nội dung Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 1303/TKVNS ngày 22/03/2018 của Tập

đoàn; Điều lệ bổ sung thêm các cụm từ, thuật ngữ cho phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty.

*( Nội dung bản Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty được gửi kèm theo tài liệu ĐH và được đăng tải trên website Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin ngày 18/3/2018 www.Mongduongcoal.com)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

***Nơi nhận:***
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**Phạm Công Hương**